

Phụ lục

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN
LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng 07 năm 2026 của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính ban hành mới:

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung ban hành mới	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp trung ương		
1	Phê chuẩn tài liệu khai thác bảo đảm hoạt động bay	Thông tư số 47/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay	Cục Hàng không Việt Nam

2. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung:

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp trung ương			
1	1.000246	Cấp giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay	Thông tư số 47/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay	Cục Hàng không Việt Nam
2	1.000239	Cấp lại giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay		Cục Hàng không Việt Nam
3	2.000102	Cấp Giấy chứng nhận khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay		Cục Hàng không Việt Nam
4	1.000254	Cấp lại Giấy chứng nhận khai thác cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay		Cục Hàng không Việt Nam

5	1.000283	Giấy chứng nhận khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay		Cục Hàng không Việt Nam
6	1.000271	Cấp lại Giấy chứng nhận khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay		Cục Hàng không Việt Nam

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Phê chuẩn tài liệu khai thác bảo đảm hoạt động bay

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác. Nếu tài liệu đủ điều kiện, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức kiểm chứng các điều kiện thực tế theo các nội dung phê chuẩn lần đầu, sửa đổi, bổ sung của tài liệu khai thác (nếu cần thiết) và ra quyết định phê chuẩn tài liệu theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 47/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2026. Trường hợp từ chối phê chuẩn, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Trong quá trình thực hiện thẩm định có yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi bổ sung hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị bổ sung, nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Cục hàng không Việt Nam mà tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì Cục Hàng không Việt Nam kết thúc giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

1.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo Mẫu;
- Bản sao hoặc bản điện tử Tài liệu khai thác bảo đảm hoạt động bay đã được Doanh nghiệp ban hành;
- Văn bản tài liệu giải trình nội dung sửa đổi, bổ sung.

b) Số lượng: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

1.8. Phí, lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị phê chuẩn tài liệu khai thác;
- Quyết định phê chuẩn tài liệu khai thác.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

1. Doanh nghiệp phải xây dựng, ban hành, duy trì và kiểm soát hệ thống tài liệu khai thác bảo đảm hoạt động bay.

2. Hệ thống tài liệu khai thác bảo đảm hoạt động bay bao gồm:

- a) Tài liệu khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;
- b) Tài liệu khai thác, bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị kỹ thuật;
- c) Tài liệu phối hợp, hiệp đồng cung cấp dịch vụ;
- d) Tài liệu về kế hoạch ứng phó không lưu, khẩn nguy;
- đ) Tài liệu quản lý rủi ro mặt trời đối với kiểm soát viên không lưu;
- e) Tài liệu SMS.

3. Khi có thay đổi về công trình, trang thiết bị, thông số kỹ thuật, phương thức khai thác, quy trình phối hợp hoặc nội dung khác có liên quan, doanh nghiệp phải cập nhật tài liệu khai thác trước khi áp dụng; trường hợp khẩn cấp phải cập nhật ngay sau khi áp dụng biện pháp tạm thời.

4. Tài liệu khai thác và việc sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác phải được kiểm soát phiên bản, phổ biến đến đúng đối tượng áp dụng, lưu trữ và phê chuẩn theo quy định.

5. Các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 43 Thông tư số 47/2026/TT-BXD có thể tích hợp vào một tài liệu.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 47/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay.

a) Mẫu đơn đề nghị: Mẫu số 03

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ CHUẨN TÀI LIỆU KHAI THÁC

	ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ CHUẨN TÀI LIỆU KHAI THÁC APPLICATION FOR APPROVAL OF OPERATIONS MANUAL	HƯỚNG DẪN In hoặc đánh máy. Chỉ nộp đơn bản gốc cho phòng Quản lý hoạt động bay hoặc người được Cục Hàng không ủy quyền, nếu thiếu chỗ thì dùng tờ đính kèm INSTRUCTIONS Print or type. Submit original only to the Air Navigation Department or a CAAV Authorized Person. If additional space is required, use an attachment
---	--	---

A. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC/ ORGANIZATION INFORMATION	
1. Thông tin của đơn vị nộp đơn/Applicant Information	
Tên tổ chức/Organization Name	Mã bưu điện/Postal Code
Số đăng ký/Registration Number	Thành phố/City
Địa chỉ/Address	Quốc gia/Country
2. Trụ sở chính (có thể để trống nếu trùng mục 1 phía trên)/Head Office (may be left blank if identical to Section 1 above)	
Tên tổ chức/Organization Name	Thành phố/City
Địa chỉ/Address	Quốc gia/Country
Mã bưu điện/Postal Code	
3. Thông tin và liên hệ/Information and Contact Details	
Họ và tên/Full Name:	Chức danh công việc/Job Title:
Chức vụ/Position:	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:

B. THÔNG TIN CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ/SERVICE PROVIDER UNIT INFORMATION	
1. Tên cơ sở/Service Provider Unit Name:	2. Địa chỉ/Address:
3. Trưởng cơ sở/Head of Unit:	Họ và tên/Full Name:
	Chức vụ/Position:
	Chức danh công việc/Job Title:
	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:

C. THÔNG TIN VỀ TÀI LIỆU KHAI THÁC/MANUAL INFORMATION DETAILS	
Tên Tài liệu Manual Title	
Lý do phê chuẩn (lần đầu, sửa đổi, bổ sung) Reason for approval (initial, amendment, supplement)	
Ngày dự kiến áp dụng Tentative effective date	

D. HỒ SƠ, TÀI LIỆU KÈM THEO/ATTACHED DOSSIERS AND DOCUMENTS	
Số thứ tự/No.	Tên hồ sơ/tài liệu/Name of dossier/document
1	
2	
3	
4	

D. PHƯƠNG THỨC NHẬN KẾT QUẢ/MANNER OF RECEIVING RESULTS	
Bản giấy (Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính)/ Hard copy (In person at the Receiving and Result-Returning Department of the Civil Aviation Authority of Vietnam or via postal service) ☐	Bản điện tử (qua trực tuyến như địa chỉ email, ứng dụng OTT/nhắn tin được liên kết với số điện thoại của tổ chức, cá nhân)/Electronic copy (Online via email address or phone-linked messaging apps of the Organization/Individual) ☐

E. CAM KẾT/COMMITMENT		
Người nộp đơn xin cam đoan các thông tin được ghi trong đơn này là chính xác và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin đã khai/The Applicant hereby certifies that all information provided in this application is accurate and shall assume full responsibility for the declared information.		
Ngày nộp đơn/Date of application	Họ và tên/Full Name	Chữ ký và đóng dấu/Signature and Official stamp

b) Mẫu kết quả: Mẫu số 09

BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-CHK

....., ngày tháng năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê chuẩn Tài liệu khai thác...

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số/...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về hoạt động bay;

Căn cứ Thông tư số.../...../TT-BXD ngày ...tháng...năm 2026 của Bộ Xây dựng về Quản lý và bảo đảm hoạt động bay;

Căn cứ....

Xét đề nghị của Trưởng phòng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn Tài liệu khai thác..... theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày

Điều 3. Các ông/bà, Giám đốc Cảng vụ hàng không, Trưởng phòng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

-;

- **Lưu:**

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2. Cấp giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện tiếp nhận, thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc trên môi trường điện tử cho người làm đơn lý do nếu hồ sơ bị từ chối. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định thì hồ sơ được tiếp nhận.

- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức đánh giá chi tiết nội dung hồ sơ. Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người đề nghị để sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi thông báo kết quả đánh giá hồ sơ, nếu người đề nghị không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện đóng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời thông báo trả lại hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu, Cục Hàng không Việt Nam thông báo từ chối cấp phép và nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, người đề nghị hoàn thành nghĩa vụ nộp phí, lệ phí theo quy định.

- Việc nộp phí được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Hàng không Việt Nam xác nhận hồ sơ hợp lệ; quá thời hạn này, các tổ chức, cá nhân không hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam từ chối giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thực hiện việc nộp phí của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Các khoản phí và lệ phí thực hiện theo pháp luật về phí và lệ phí.

- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ khi thông báo về tính hợp lệ hồ sơ và người đề nghị hoàn thành nghĩa vụ nộp phí, Cục Hàng không Việt Nam sẽ tiến hành tổ chức sát hạch theo quy định đối với loại giấy phép và năng định tương ứng.

- Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép, năng định theo đề nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi người làm đơn đạt được kết quả sát hạch theo quy định.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

2.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ANS kèm theo danh sách trích ngang hoặc đơn của cá nhân đề nghị;
- Bản sao hoặc mẫu biểu điện tử đơn đề nghị cấp giấy phép, năng định theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 47/2026/TT-BXD;
- Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và xác nhận của thủ trưởng đơn vị hoặc chính quyền địa phương (áp dụng đối với Kiểm soát viên không lưu);
- Hồ sơ chứng minh về kiến thức, kinh nghiệm phù hợp với giấy phép, năng định bao gồm:
 - + Chứng chỉ chuyên môn;
 - + Bản sao hoặc bản sao điện tử chứng nhận hoàn thành khóa huấn luyện đơn vị hoặc kết quả kiểm tra kiến thức phù hợp;
 - + Đối với Kiểm soát viên không lưu phải kèm hồ sơ OJT, nhật ký OJT và phiếu đánh giá tổng hợp năng lực.
 - Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận sức khỏe còn hiệu lực (áp dụng đối với Học viên Kiểm soát không lưu, Kiểm soát viên không lưu, Giáo viên thực hành tại vị trí làm việc Kiểm soát viên không lưu);
 - Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận trình độ thông thạo tiếng Anh còn hiệu lực;
 - Ảnh chân dung điện tử chụp trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

b) Số lượng: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn đánh giá chi tiết nội dung hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.
- Thời hạn tổ chức sát hạch: 05 ngày làm việc kể từ khi thông báo về tính hợp lệ hồ sơ và người đề nghị hoàn thành nghĩa vụ nộp phí.
- Thời hạn cấp giấy phép, năng định: 02 ngày làm việc, kể từ khi kết quả sát hạch đạt yêu cầu.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay

2.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định sát hạch cấp giấy phép, năng định cho nhân viên bảo đảm hoạt động bay:

- Sát hạch lý thuyết: 600.000 VNĐ/lần.
- Sát hạch thực hành: 250.000 VNĐ/lần.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép, năng định;
- Giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

*** Tiêu chuẩn chung của nhân viên bảo đảm hoạt động bay (ANS)**

1. Là công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên (riêng đối với Kiểm soát viên không lưu và Nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không là từ 21 tuổi trở lên), tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, có lý lịch rõ ràng, sức khỏe, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và năng lực phù hợp với chức danh, vị trí và phạm vi nhiệm vụ được giao.

2. Những chức danh pháp luật quy định phải có giấy phép chỉ được thực hiện nhiệm vụ khi có giấy phép và năng định còn hiệu lực; các chức danh khác chỉ được thực hiện nhiệm vụ khi có chứng chỉ chuyên môn và xác nhận nội bộ năng lực còn hiệu lực. Chức danh không thuộc diện cấp giấy phép, năng định do doanh nghiệp ANS chỉ định và báo cáo Cục Hàng không Việt Nam để kiểm tra, giám sát.

I. Nhân viên không lưu

*** Điều kiện để cấp Giấy phép, năng định cho kiểm soát viên không lưu**

1. Người đề nghị cấp giấy phép lần đầu phải:

a) Từ 21 tuổi trở lên;

b) Đã hoàn thành khóa học tại đơn vị và hoàn thành các kỳ kiểm tra và đánh giá phù hợp theo quy định;

c) Đáp ứng các yêu cầu về kiến thức quy định tại Điều 338, Điều 339 và kinh nghiệm quy định tại Điều 340 Thông tư số 47/2026/TT-BXD;

d) Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe còn hiệu lực;

đ) Đáp ứng yêu cầu về trình độ thông thạo tiếng Anh theo quy định tại Thông tư số 47/2026/TT-BXD;

e) Đạt yêu cầu của kỳ sát hạch cấp giấy phép, năng định do Cục Hàng không Việt Nam tổ chức.

2. Giấy phép Kiểm soát viên không lưu chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 01 năng định còn hiệu lực.

3. Người có giấy phép kiểm soát viên không lưu nếu không bắt đầu thực hiện các quyền hạn và năng định của giấy phép trong vòng một năm kể từ ngày cấp thì phải thực hiện huấn luyện đơn vị (Unit training) sau khi được đánh giá năng lực bởi cơ sở đào tạo, huấn luyện phù hợp.

*** Các yêu cầu về kiến thức đối với việc cấp giấy phép cho Kiểm soát viên không lưu**

1. Yêu cầu kiến thức chung:

a) Luật hàng không (Air law): Các quy tắc và quy định liên quan đến kiểm soát viên không lưu;

b) Hệ thống thiết bị không lưu (Air traffic control equipment): Nguyên lý, cách sử dụng và giới hạn của các hệ thống thiết bị được sử dụng trong kiểm soát không lưu;

c) Kiến thức chung (General knowledge): Các nguyên lý bay; các nguyên lý vận hành và chức năng của tàu bay và hệ thống tàu bay điều khiển từ xa (RPAS), động cơ và các hệ thống thiết bị; tính năng của tàu bay liên quan đến các hoạt động điều hành bay;

d) Năng lực con người (Human performance): Khả năng và giới hạn của con người bao gồm các nguyên tắc về Quản lý mối đe dọa và quản lý lỗi (TEM - Threat and Error Management) được quy định tại Tài liệu huấn luyện về các Yếu tố con người (Doc 9683);

đ) Khí tượng (Meteorology): Khí tượng hàng không; cách sử dụng và đánh giá các tài liệu và thông tin khí tượng; nguồn gốc và đặc điểm của các hiện tượng thời tiết ảnh hưởng đến hoạt động bay và an toàn bay; kỹ thuật đo độ cao (altimetry);

e) Dẫn đường (Navigation): Các nguyên lý dẫn đường hàng không; nguyên lý, giới hạn và độ chính xác của các hệ thống thiết bị dẫn đường và thiết bị hỗ trợ bằng mắt (visual aids); và

g) Các phương thức khai thác (Operational procedures): Các phương thức kiểm soát không lưu, thông tin liên lạc, liên lạc thoại vô tuyến và thuật ngữ hàng không (trong các tình huống thông thường, không thông thường và khẩn nguy); cách sử dụng các tài liệu và tin tức hàng không có liên quan; các biện pháp thực hành an toàn liên quan đến chuyến bay.

2. Yêu cầu về kinh nghiệm:

Người nộp đơn phải hoàn thành các khóa đào tạo theo quy định và chứng minh được năng lực theo yêu cầu của Nhà chức trách hàng không Việt Nam, đồng thời phải hoàn thành khóa huấn luyện tại vị trí làm việc trong môi trường điều hành bay thực tế tối thiểu là 03 tháng, dưới sự giám sát trực tiếp của giáo viên thực hành huấn luyện kiểm soát viên không lưu tại vị trí làm việc (ATC OJTI). Các yêu cầu về kinh nghiệm quy định cho từng năng định đối với kiểm soát viên không lưu tại Điều 340 có thể được tính là một phần kinh nghiệm quy định tại khoản này.

*** Yêu cầu về kiến thức cho từng năng định.**

1. Năng định kiểm soát sân bay: Yêu cầu về Sơ đồ sân bay; các đặc tính vật lý và thiết bị hỗ trợ bằng mắt; Cấu trúc vùng trời; Áp dụng các quy tắc, các phương thức và nguồn thông tin; Các trang thiết bị dẫn đường hàng không; Thiết bị kiểm soát không lưu và việc sử dụng các thiết bị này; Địa hình và các địa tiêu nổi bật;

Đặc điểm của hoạt động bay; Các hiện tượng thời tiết; Các kế hoạch khẩn nguy và tìm kiếm, cứu nạn.

2. Năng định kiểm soát tiếp cận và đường dài không có giám sát: Cấu trúc vùng trời; Áp dụng các quy tắc, các phương thức và nguồn thông tin; Các trang thiết bị dẫn đường hàng không; Thiết bị kiểm soát không lưu và việc sử dụng các thiết bị này; Địa hình và các địa tiêu nổi bật; Các đặc điểm của hoạt động bay và luồng không lưu; Các hiện tượng thời tiết; Các kế hoạch khẩn nguy và tìm kiếm, cứu nạn.

3. Năng định kiểm soát tiếp cận và đường dài có giám sát: Các nguyên lý, cách sử dụng và các hạn chế của hệ thống giám sát ATS được áp dụng và của các thiết bị liên quan; Các phương thức cung cấp dịch vụ giám sát ATS phù hợp, bao gồm cả các phương thức nhằm đảm bảo phân cách địa hình phù hợp.

*** Các yêu cầu về kinh nghiệm đối với Kiểm soát viên không lưu**

1. Năng định Kiểm soát sân bay (ADC - Aerodrome Control): tối thiểu 90 giờ hoặc 01 tháng, tính theo giá trị lớn hơn tại cơ sở đề nghị cấp năng định.

2. Năng định Kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS (APP), Kiểm soát tiếp cận giám sát ATS (APS), Kiểm soát đường dài không có giám sát ATS (ACP), và Kiểm soát đường dài giám sát ATS (ACS): tối thiểu 180 giờ hoặc 03 tháng, tính theo giá trị lớn hơn.

3. Năng định Kiểm soát tiếp cận ra đa chính xác (APRC Approach precision radar control rating): Thực hiện tối thiểu 200 lần tiếp cận chính xác, trong đó có tối đa 100 lần thực hiện trên thiết bị mô phỏng, giả định được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận và tối thiểu 100 lần thực hiện trên trang thiết bị thực tế tại cơ sở đề nghị cấp năng định.

4. Trường hợp năng định APS có dẫn dắt tiếp cận bằng hệ thống giám sát: Phải thực hiện thêm tối thiểu 25 lần dẫn dắt tiếp cận trên màn hình hiển thị vị trí hoặc hệ thống giám sát tương đương tại cơ sở dưới sự giám sát của giáo viên thực hành tại vị trí làm việc (ATC OJTI).

5. Đơn đề nghị cấp năng định phải được nộp trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày hoàn thành yêu cầu về kinh nghiệm được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 340 Thông tư số 47/2026/TT-BXD.

6. Trong trường hợp người nộp đơn đã được cấp một năng định loại khác, hoặc đã được cấp cùng loại năng định đó nhưng tại một cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu khác, Cục Hàng không Việt Nam sẽ xem xét khả năng có thể giảm yêu cầu về kinh nghiệm theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 340 Thông tư số 47/2026/TT-BXD.

7. Trường hợp thay đổi cơ sở, vị trí hoặc môi trường khai thác có khác biệt đáng kể về hệ thống thiết bị, quy trình, vùng trời hoặc mức độ phức tạp thì phải hoàn thành chương trình Huấn luyện chuyển đổi (Conversion training) và được

đánh giá đạt yêu cầu trước khi thực hiện nhiệm vụ độc lập. Kiểm soát viên không lưu chỉ được khai thác độc lập tại cơ sở ATS mới sau khi hoàn thành huấn luyện lý thuyết, huấn luyện mô phỏng, giả định hoặc huấn luyện bổ sung cần thiết, huấn luyện tại vị trí làm việc dưới sự giám sát của giáo viên đủ điều kiện và được đánh giá đạt năng lực theo chương trình huấn luyện đã được phê chuẩn.

*** Các yêu cầu về kỹ năng đối với Kiểm soát viên không lưu**

1. Người nộp đơn phải chứng minh được các kỹ năng, khả năng nhận định tình huống và hiệu quả thực hiện các công việc cần thiết để cung cấp dịch vụ điều hành bay an toàn, điều hòa và thông suốt, tương ứng với mức độ quyền hạn được cấp; bao gồm cả khả năng nhận diện và quản lý các mối đe dọa và sai sót (TEM).

2. Tài liệu hướng dẫn về việc áp dụng quản lý mối đe dọa và sai sót (TEM) được quy định tại Tài liệu PANS-TRG (Doc 9868), Phần II, Mục I, Chương 6 và Tài liệu hướng dẫn Đào tạo về các yếu tố con người (Tài liệu 9683)

II. Nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không

*** Điều kiện cấp giấy phép và năng định cho nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không**

Điều kiện chung để được cấp giấy phép:

1. Đáp ứng các tiêu chuẩn chung của nhân viên bảo đảm hoạt động bay;
2. Từ 21 tuổi trở lên;
3. Đã hoàn thành chương trình đào tạo ban đầu và huấn luyện đơn vị;
4. Đáp ứng yêu cầu về trình độ thông thạo tiếng Anh theo quy định tại Thông tư số 47/2026/TT-BXD;
5. Đạt yêu cầu của kỳ sát hạch cấp năng định do Cục Hàng không Việt Nam tổ chức.

*** Các yêu cầu về kiến thức và kinh nghiệm thực hành tối thiểu đối với việc đào tạo, huấn luyện nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không**

Người đề nghị cấp giấy phép nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu về:

1. Lý thuyết theo các chủ đề như sau:
 - a) Kiến thức chung: Dịch vụ Không lưu được cung cấp trong phạm vi quốc gia;
 - b) Phương thức khai thác: Phương thức liên lạc vô tuyến; thuật ngữ; mạng viễn thông hàng không;

c) Quy tắc và quy định: Các quy tắc và quy định áp dụng đối với nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không;

d) Thiết bị thông tin viễn thông: Nguyên lý, việc sử dụng và các giới hạn của thiết bị thông tin viễn thông tại một đài, trạm hàng không.

2. Kinh nghiệm:

Hoàn thành khóa đào tạo được phê chuẩn trong thời gian 12 tháng trước ngày nộp đơn đề nghị cấp giấy phép, năng định và có thời gian thực tập dưới sự giám sát của giáo viên thực hành tại vị trí làm việc trong thời gian tối thiểu là 02 tháng.

3. Kỹ năng:

Người đề nghị phải chứng minh năng lực trong việc:

a) Khai thác các thiết bị liên lạc viễn thông đang được sử dụng;

b) Chuyên và nhận các điện thông thoại vô tuyến một cách hiệu quả và chính xác.

4. Khi thực hiện nhiệm vụ tại một đài, trạm hàng không, người được cấp giấy phép nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không phải nắm vững toàn bộ thông tin về các loại thiết bị và phương thức khai thác được sử dụng tại đài, trạm hàng không đó.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 47/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay.

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

a) Mẫu đơn đề nghị: Mẫu số 05

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI, BỔ SUNG, GIA HẠN GIẤY PHÉP, NĂNG ĐỊNH
CHO NHÂN VIÊN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP, NĂNG ĐỊNH NHÂN VIÊN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY APPLICATION FOR ISSUANCE, REISSUANCE, OF AIR NAVIGATION SERVICE PERSONNEL LICENSE, RATING	HƯỚNG DẪN Có thể in hoặc đánh máy. Đề nghị không viết vào phần bôi đen, phần này chỉ dành cho cơ quan Cục Hàng không Việt Nam. Nộp đơn bản gốc cho Phòng Quản lý hoạt động bay - Cục Hàng không Việt Nam hoặc cơ quan được Cục Hàng không ủy quyền. Trường hợp thiếu chỗ điền thì có thể dùng tờ giấy đính kèm INSTRUCTIONS Print or type. Do not write in shaded areas, these are for CAAV use only. Submit original only to the Air Navigation Department or a CAAV Authorized Person. If additional space is required, use an attachment
---	--	---

A. TÔI LÀM ĐƠN NÀY ĐỀ NGHỊ (APPLICATION IS HEREBY MADE FOR):		
☐ CẤP MỚI (ISSUANCE): ☐ BỔ SUNG (ADDITION):	☐ CẤP LẠI GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG SAU (REISSUANCE OF THE FOLLOWING LICENSE): ☐ RENEWAL (GIA HẠN):	
1. ☐ KIỂM SOÁT VIÊN KHÔNG LƯU (AIR TRAFFIC CONTROLLER)	2. ☐ KHAI THÁC THIẾT BỊ THÔNG TIN LIÊN LẠC HK (AERONAUTICAL COMMUNICATIONS OPERATOR)	3. ☐ INSTRUCTOR (GIÁO VIÊN) 4. ☐ LOẠI KHÁC (OTHER)
B. NĂNG ĐỊNH ĐỀ NGHỊ (RATING APPLIED FOR ON BASIS OF):		
1. ☐ KIỂM SOÁT SÂN BAY (AERODROME CONTROL - ADC) 2. ☐ KIỂM SOÁT TIẾP CẬN KHÔNG CÓ GIÁM SÁT ATS (APPROACH CONTROL PROCEDURAL - APP) 3. ☐ KIỂM SOÁT TIẾP CẬN CÓ GIÁM SÁT (APPROACH CONTROL SURVEILLANCE - APS)	4. ☐ KIỂM SOÁT TIẾP CẬN BẰNG RA ĐA CHÍNH XÁC (APPROACH PRECISION RADAR CONTROL RATING - APRC) 5. ☐ KIỂM SOÁT ĐƯỜNG DÀI KHÔNG GIÁM SÁT (AREA CONTROL PROCEDURAL - ACP) 6. ☐ KIỂM SOÁT ĐƯỜNG DÀI CÓ GIÁM SÁT (AREA CONTROL SURVEILLANCE - ACS)	7. ☐ KHAI THÁC THIẾT BỊ THÔNG TIN LIÊN LẠC HK (AERONAUTICAL COMMUNICATIONS OPERATOR-ACO) 8. ☐ GIÁO VIÊN LÝ THUYẾT (THEORY INSTRUCTOR) 9. ☐ GIÁO VIÊN THỰC HÀNH HUẤN LUYỆN TRÊN THIẾT BỊ MÔ PHỎNG, GIÁ ĐỊNH (SIMULATOR INSTRUCTOR) 10. ☐ GIÁO VIÊN THỰC HÀNH HUẤN LUYỆN TẠI VỊ TRÍ LÀM VIỆC (OJT INSTRUCTOR)
C. XÁC NHẬN NĂNG ĐỊNH (RATING ENDORSEMENTS)		
1. KIỂM SOÁT SÂN BAY (ADC): ☐ KIỂM SOÁT DI CHUYỂN MẶT ĐẤT (GMC) ☐ KIỂM SOÁT TẠI SÂN BAY (TWR)		
D. THÔNG TIN CÁ NHÂN (AIRMAN PERSONAL INFORMATION):		
1. HỌ VÀ TÊN (FULL NAME):	2. ĐỊA CHỈ NƠI Ở (PLACE OF RESIDENCE):	
3. ĐIỆN THOẠI (TELEPHONE):	4. SỐ CCCD (IDENTITY CARD):	5. ĐỊA CHỈ THƯ ĐIỆN TỬ (E-MAIL ADDRESS):

6. NGÀY THÁNG NĂM SINH (DATE OF BIRTH) (DAY, MONTH, YEAR):		7. NƠI SINH (PLACE OF BIRTH):		8. QUỐC TỊCH (NATIONALITY):	
				9. TRÌNH ĐỘ NGÔN NGỮ (LANGUAGE PROFICIENCY LEVEL) Level 4/+? ☐ CÓ (Yes) ☐ KHÔNG (No)	
10. VỊ TRÍ VÀ ĐƠN VỊ CÔNG TÁC (POSITION AND EMPLOYING ORGANIZATION):					
D. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ SỨC KHỎE (MEDICAL EVALUATION INFORMATION):					
1. SỨC KHỎE MỨC 3 (CLASS 3 MEDICAL ASSESSMENT): ☐ CÓ (Yes) ☐ KHÔNG (No)		2. NƠI CẤP (PLACE OF ISSUE)		3. NGÀY HẾT HẠN CHỨNG CHỈ SỨC KHỎE (MEDICAL CERTIFICATE EXPIRATION DATE)	
				4. GIÁM ĐỊNH VIÊN (MEDICAL EXAMINER)	
E. CHỨNG THỰC (APPLICANT'S CERTIFICATION) - Tôi cam đoan rằng tất cả những thông tin cung cấp ở trên là chính xác và đúng sự thật, và tôi đồng ý rằng đó là cơ sở để xem xét cấp giấy phép cho tôi (I certify that all statements and answers provided by me on this application form are complete and true to the best of my knowledge and I agree that they are to be considered as part of the basis for issuance of any caav license to me).					
Ảnh cỡ 3 x 4 (Photograph (3x4 cm))				Ngày ký (Date signed): Chữ ký của người làm đơn (APPLICANT SIGNATURE):	
G. Ý KIẾN CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN (OJI INSTRUCTOR'S RECOMMENDATION)					
Tôi đã hướng dẫn cho cá nhân này thực hiện huấn luyện (I have personally instructed the applicant and consider this person ready to take the training)					
1. TÊN KHÓA HUẤN LUYỆN (COMPLETED TRAINING COURSE TITLE)				2. TỔNG THỜI GIAN HUẤN LUYỆN (TOTAL TRAINING DURATION)	
				3. KẾT QUẢ (RESULT ACHIEVED)	
4. ☐ ĐẠT YÊU CẦU KIỂM TRA KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG (COMPLETION OF REQUIRED KNOWLEDGE AND SKILL TEST)				5. TỔNG GIỜ HUẤN LUYỆN SIM nếu áp dụng (TOTAL TIME IN SIM if applicable) Hours Hours	
6. Ngày ký (Date signed)		7. Chữ ký – Họ và tên của Giáo viên OJTI (Instructor's signature (name and sign))		8. Số giấy phép của Giáo viên OJTI (Instructor License No.)	
				9. Thời hạn của giấy phép (License expires)	

H. BÁO CÁO CỦA SÁT HẠCH VIÊN (DESIGNATED EXAMINER'S REPORT)			
1. Giấy phép (License Issued) (Copy Attached)			
2. Tôi đã trực tiếp xem xét hồ sơ huấn luyện và xác nhận cá nhân đáp ứng các yêu cầu liên quan cho việc đề nghị cấp giấy phép hoặc năng định (I have personally reviewed this applicant's training record, and certify that the individual meets the pertinent requirements for the license or rating sought).			
3. Tôi đã kiểm tra kiến thức (I have personally tested this applicant's knowledge)			
4. Tôi đã kiểm tra và/hoặc xác minh cá nhân này theo các quy trình và tiêu chuẩn liên quan với kết quả được nêu dưới đây (I have personally tested and/or verified this applicant in accordance with pertinent procedures and standards with the results indicated below).			
I. ĐÁNH GIÁ (EVALUATOR'S RECORD):			
1. Địa điểm thực hiện kiểm tra (Tên cơ sở, địa điểm Name of Unit, Location):			
2. Năng định kiểm tra/đánh giá (Rating for which tested):			
2.1. NĂNG ĐỊNH 1:			
K. KẾT QUẢ KIỂM TRA SÁT HẠCH (PROFICIENCY CHECK RESULTS):			
1. ☐ Proficiency check - Knowledge (Theory)	A. ☐ Satisfactory	B. ☐ Unsatisfactory	C. ☐ Needs further training as indicated
2. ☐ Proficiency check - On-the-Job (OJT)	A. ☐ Satisfactory	B. ☐ Unsatisfactory	C. ☐ Needs further training as indicated
3. ☐ Proficiency check - Oral	A. ☐ Satisfactory	B. ☐ Unsatisfactory	C. ☐ Needs further training as indicated
4. ☐ Proficiency check - Simulator (if applicable)	A. ☐ Satisfactory	B. ☐ Unsatisfactory	C. ☐ Needs further training as indicated
Chữ ký của Sát hạch viên (Họ tên và ký tên) Examiner's Signature (Name & Sign) Ngày (Date)			
2.2. NĂNG ĐỊNH 2:			
K. KẾT QUẢ KIỂM TRA SÁT HẠCH (PROFICIENCY CHECK RESULTS):			
1. ☐ Proficiency check - Knowledge (Theory)	A. ☐ Satisfactory	B. ☐ Unsatisfactory	C. ☐ Needs further training as indicated
2. ☐ Proficiency check - On-the-Job (OJ)	A. ☐ Satisfactory	B. ☐ Unsatisfactory	C. ☐ Needs further training as indicated
3. ☐ Proficiency check – Oral	A. ☐ Satisfactory	B. ☐ Unsatisfactory	C. ☐ Needs further training as indicated
4. ☐ Proficiency check – Simulator (if applicable)	A. ☐ Satisfactory	B. ☐ Unsatisfactory	C. ☐ Needs further

			training as indicated
Chữ ký của Sát hạch viên (Họ tên và ký tên) Examiner's Signature (Name & Sign) Ngày (Date)			
3. ☐ Đồng ý (bản gốc đính kèm) (Approved – License Issued (Original Attached))			
4. ☐ Không đồng ý – Đã thông báo không đồng ý (bản gốc đính kèm) - (Disapproved – Disapproval Notice Issued (Original Attached))			
L. BÁO CÁO CỦA CƠ QUAN CẤP PHÉP PEL (PEL LICENSING AUTHORITY REPORT)			
Hội đồng sát hạch nhân viên hàng không lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay căn cứ kết quả sát hạch (Personnel Licensing Board for ANS based on the examination results): Người làm đơn đã được kiểm tra theo đúng quy định hiện hành, đáp ứng đầy đủ các quy trình, tiêu chuẩn, và các yêu cầu cần thiết liên quan với kết quả như sau (This applicant has been tested in accordance with or have otherwise verified that this applicant complies with pertinent procedures, standards, and necessary requirements with the result indicated below):			
1. ☐ Đồng ý – Cấp giấy phép (Approved - License Issued) (<i>Bản gốc-Original Attached</i>)		2. ☐ Không đồng ý – Báo cáo không đồng ý (Disapproved – Disapproval Notice Issued) (<i>Bản gốc-Original Attached</i>)	
3. Địa điểm thực hiện (Tên cơ sở, Thành phố, Tỉnh) Location of Test (Unit, City/Province):			
4. Số giấy phép (License number):		5. Ngày cấp lần đầu giấy phép (Initial date of issue):	
6. Giấy phép hoặc năng định được kiểm tra (License or Rating for which tested)			
7. Ngày (Date)	8. Chữ ký – Họ và tên của người cấp phép (Pel Licensing officer's signature (Name & sign))		
M. HỒ SƠ ĐÍNH KÈM (ATTACHMENTS):			
1. ☐ Giấy phép (License) Bản chụp-Copy			

b) Mẫu giấy phép: Mẫu số 11

GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

	I) VIII)	SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM	
	IV) Name:	V) Domicile:	
III) Number:	IVa) Date of birth:	VI) Nationality:	
VII) License Holder	IX) Has been found to be properly qualified to exercise the privileges appropriate to a:	II)	
	X) Issue Date	XIa)	
		X) Director-General	
XII) Ratings:	XI c)		
XIII) Limitations:			
XIII) Endorsements:			
Language Proficiency:	Control Number:		
IX) Expiration Date:			

1. Nội dung và Mẫu Giấy phép nhân viên bảo đảm hoạt động bay

- Tên quốc gia; Cơ quan chủ quản; cơ quan cấp giấy phép (chữ đậm);
- Logo;
- Loại giấy phép (chữ đậm);
- Số giấy phép do Cục Hàng không Việt Nam cấp;

- đ) Họ tên đầy đủ của người được cấp giấy phép;
- e) Nơi sinh, ngày sinh của người được cấp giấy phép;
- g) Địa chỉ của người được cấp giấy phép;
- h) Quốc tịch của người được cấp giấy phép;
- i) Ảnh của người được cấp giấy phép;
- k) Chữ ký của người được cấp giấy phép;
- l) Tên Nhà chức trách hàng không cấp giấy phép (Cục Hàng không Việt Nam);
- m) Chứng nhận liên quan đến hiệu lực và quyền hạn phù hợp với giấy phép của người được cấp;
- n) Chữ ký của người có thẩm quyền và ngày cấp giấy phép;
- o) Năng định;
- p) Ghi chú (chứng nhận đặc biệt liên quan đến các hạn chế và các chứng nhận quyền hạn bao gồm cả trình độ thông thạo ngôn ngữ);
- q) Thông tin khác của Cục Hàng không Việt Nam;
- r) QR code để truy xuất dữ liệu xác thực (**machine-readable code** to retrieve authentication data).
- s) Mẫu Giấy phép nhân viên bảo đảm hoạt động bay được quy định tại Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chất liệu của giấy phép: Giấy hoặc chất liệu phù hợp khác như thẻ nhựa bảo đảm các nội dung ở khoản 2 Điều này được thể hiện rõ ràng.

3. Ngôn ngữ: Các thông tin trên Giấy phép được thể hiện bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng Anh.

4. Hình thức trình bày thông tin trên giấy phép: Các mục ghi trên giấy phép được đánh số bằng chữ số La Mã theo quy định tại Mục 5.2.1 Phụ ước 1 của ICAO. Các đầu mục có thể in theo thứ tự sao cho thuận lợi nhất đối với Cục Hàng không Việt Nam.

3. Cấp lại giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện tiếp nhận, thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc trên môi trường điện tử cho người làm đơn lý do nếu hồ sơ bị từ chối. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định thì hồ sơ được tiếp nhận.

- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức đánh giá chi tiết nội dung hồ sơ. Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người đề nghị để sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi thông báo kết quả đánh giá hồ sơ, nếu người đề nghị không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện đóng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời thông báo trả lại hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu, Cục Hàng không Việt Nam thông báo từ chối cấp phép và nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, người đề nghị hoàn thành nghĩa vụ nộp phí, lệ phí theo quy định.

- Việc nộp phí được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Hàng không Việt Nam xác nhận hồ sơ hợp lệ; quá thời hạn này, các tổ chức, cá nhân không hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam từ chối giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thực hiện việc nộp phí của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Các khoản phí và lệ phí thực hiện theo pháp luật về phí và lệ phí.

- Trong thời hạn 04 ngày, kể từ khi thông báo về tính hợp lệ hồ sơ và người đề nghị hoàn thành nghĩa vụ nộp phí, Cục Hàng không Việt Nam sẽ tiến hành tổ chức sát hạch theo quy định đối với loại giấy phép và năng định tương ứng.

- Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép, năng định theo đề nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi người làm đơn đạt được kết quả sát hạch theo quy định.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

3.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp gia hạn, bổ sung, cấp lại do đình chỉ, thu hồi giấy phép, năng định hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ANS kèm theo danh sách trích ngang;

+ Bản sao hoặc mẫu biểu điện tử đơn đề nghị gia hạn, bổ sung, cấp lại giấy phép, năng định theo Mẫu;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử chứng chỉ tốt nghiệp khóa huấn luyện và Phiếu đánh giá năng lực gần nhất;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận sức khỏe còn hiệu lực (áp dụng đối với Học viên Kiểm soát không lưu, Kiểm soát viên không lưu, Giáo viên thực hành tại vị trí làm việc Kiểm soát viên không lưu);

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận trình độ thông thạo tiếng Anh còn hiệu lực.

- Hồ sơ đối với trường hợp Giấy phép bị mất, hỏng hoặc cần sửa đổi thông tin cá nhân:

+ Bản sao hoặc biểu mẫu điện tử đơn đề nghị cấp lại theo mẫu;

+ Tài liệu chứng minh thông tin cần sửa đổi là chính xác hoặc bản giải trình trong trường hợp bị mất hoặc hỏng không sử dụng được.

b) Số lượng: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn đánh giá chi tiết nội dung hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.

- Thời hạn tổ chức sát hạch: 04 ngày làm việc, kể từ khi thông báo về tính hợp lệ hồ sơ và người đề nghị hoàn thành nghĩa vụ nộp phí.

- Thời hạn cấp giấy phép, năng định: 02 ngày làm việc, kể từ khi kết quả sát hạch đạt yêu cầu.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay

3.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định sát hạch cấp lại giấy phép, năng định cho nhân viên bảo đảm hoạt động bay:

- Sát hạch lý thuyết: 400.000 VNĐ/lần.

- Sát hạch thực hành: 250.000 VNĐ/lần.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn, bổ sung, cấp lại giấy phép, năng định;

- Giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

* Tiêu chuẩn chung của nhân viên bảo đảm hoạt động bay (ANS)

1. Là công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên (riêng đối với Kiểm soát viên không lưu và Nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không là từ 21 tuổi trở lên), tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, có lý lịch rõ ràng, sức khỏe, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và năng lực phù hợp với chức danh, vị trí và phạm vi nhiệm vụ được giao.

2. Những chức danh pháp luật quy định phải có giấy phép chỉ được thực hiện nhiệm vụ khi có giấy phép và năng định còn hiệu lực; các chức danh khác chỉ được thực hiện nhiệm vụ khi có chứng chỉ chuyên môn và xác nhận nội bộ năng lực còn hiệu lực. Chức danh không thuộc diện cấp giấy phép, năng định do doanh nghiệp ANS chỉ định và báo cáo Cục Hàng không Việt Nam để kiểm tra, giám sát.

I. Nhân viên không lưu

*** Điều kiện để cấp Giấy phép, năng định cho kiểm soát viên không lưu**

1. Người đề nghị cấp giấy phép lần đầu phải:

a) Từ 21 tuổi trở lên;

b) Đã hoàn thành khóa học tại đơn vị và hoàn thành các kỳ kiểm tra và đánh giá phù hợp theo quy định;

c) Đáp ứng các yêu cầu về kiến thức quy định tại Điều 338 , Điều 339 và kinh nghiệm quy định tại Điều 340 Thông tư này;

d) Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe còn hiệu lực;

đ) Đáp ứng yêu cầu về trình độ thông thạo tiếng Anh theo quy định tại Thông tư này;

e) Đạt yêu cầu của kỳ sát hạch cấp giấy phép, năng định do Cục Hàng không Việt Nam tổ chức.

2. Giấy phép Kiểm soát viên không lưu chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 01 năng định còn hiệu lực.

3. Người có giấy phép kiểm soát viên không lưu nếu không bắt đầu thực hiện các quyền hạn và năng định của giấy phép trong vòng một năm kể từ ngày cấp thì phải thực hiện huấn luyện đơn vị (Unit training) sau khi được đánh giá năng lực bởi cơ sở đào tạo, huấn luyện phù hợp.

*** Các yêu cầu về kiến thức đối với việc cấp giấy phép cho Kiểm soát viên không lưu**

1. Yêu cầu kiến thức chung:

a) Luật hàng không (Air law): Các quy tắc và quy định liên quan đến kiểm soát viên không lưu;

b) Hệ thống thiết bị không lưu (Air traffic control equipment): Nguyên lý, cách sử dụng và giới hạn của các hệ thống thiết bị được sử dụng trong kiểm soát không lưu;

c) Kiến thức chung (General knowledge): Các nguyên lý bay; các nguyên lý vận hành và chức năng của tàu bay và hệ thống tàu bay điều khiển từ xa (RPAS), động cơ và các hệ thống thiết bị; tính năng của tàu bay liên quan đến các hoạt động điều hành bay;

d) Năng lực con người (Human performance): Khả năng và giới hạn của con người bao gồm các nguyên tắc về Quản lý mối đe dọa và quản lý lỗi (TEM - Threat and Error Management) được quy định tại Tài liệu huấn luyện về các Yếu tố con người (Doc 9683);

đ) Khí tượng (Meteorology): Khí tượng hàng không; cách sử dụng và đánh giá các tài liệu và thông tin khí tượng; nguồn gốc và đặc điểm của các hiện tượng thời tiết ảnh hưởng đến hoạt động bay và an toàn bay; kỹ thuật đo độ cao (altimetry);

e) Dẫn đường (Navigation): Các nguyên lý dẫn đường hàng không; nguyên lý, giới hạn và độ chính xác của các hệ thống thiết bị dẫn đường và thiết bị hỗ trợ bằng mắt (visual aids); và

g) Các phương thức khai thác (Operational procedures): Các phương thức kiểm soát không lưu, thông tin liên lạc, liên lạc thoại vô tuyến và thuật ngữ hàng không (trong các tình huống thông thường, không thông thường và khẩn nguy); cách sử dụng các tài liệu và tin tức hàng không có liên quan; các biện pháp thực hành an toàn liên quan đến chuyến bay.

2. Yêu cầu về kinh nghiệm:

Người nộp đơn phải hoàn thành các khóa đào tạo theo quy định và chứng minh được năng lực theo yêu cầu của Nhà chức trách hàng không Việt Nam, đồng thời phải hoàn thành khóa huấn luyện tại vị trí làm việc trong môi trường điều hành bay thực tế tối thiểu là 03 tháng, dưới sự giám sát trực tiếp của giáo viên thực hành huấn luyện kiểm soát viên không lưu tại vị trí làm việc (ATC OJTI). Các yêu cầu về kinh nghiệm quy định cho từng năng định đối với kiểm soát viên không lưu tại Điều 340 có thể được tính là một phần kinh nghiệm quy định tại khoản này.

* Yêu cầu về kiến thức cho từng năng định.

1. Năng định kiểm soát sân bay: Yêu cầu về Sơ đồ sân bay; các đặc tính vật lý và thiết bị hỗ trợ bằng mắt; Cấu trúc vùng trời; Áp dụng các quy tắc, các phương thức và nguồn thông tin; Các trang thiết bị dẫn đường hàng không; Thiết bị kiểm soát không lưu và việc sử dụng các thiết bị này; Địa hình và các địa tiêu nổi bật; Đặc điểm của hoạt động bay; Các hiện tượng thời tiết; Các kế hoạch khẩn nguy và tìm kiếm, cứu nạn.

2. Năng định kiểm soát tiếp cận và đường dài không có giám sát: Cấu trúc vùng trời; Áp dụng các quy tắc, các phương thức và nguồn thông tin; Các trang thiết bị dẫn đường hàng không; Thiết bị kiểm soát không lưu và việc sử dụng các

thiết bị này; Địa hình và các địa tiêu nổi bật; Các đặc điểm của hoạt động bay và luồng không lưu; Các hiện tượng thời tiết; Các kế hoạch khẩn nguy và tìm kiếm, cứu nạn.

3. Năng định kiểm soát tiếp cận và đường dài có giám sát: Các nguyên lý, cách sử dụng và các hạn chế của hệ thống giám sát ATS được áp dụng và của các thiết bị liên quan; Các phương thức cung cấp dịch vụ giám sát ATS phù hợp, bao gồm cả các phương thức nhằm đảm bảo phân cách địa hình phù hợp.

*** Các yêu cầu về kinh nghiệm đối với Kiểm soát viên không lưu**

1. Năng định Kiểm soát sân bay (ADC - Aerodrome Control): tối thiểu 90 giờ hoặc 01 tháng, tính theo giá trị lớn hơn tại cơ sở đề nghị cấp năng định.

2. Năng định Kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS (APP), Kiểm soát tiếp cận giám sát ATS (APS), Kiểm soát đường dài không có giám sát ATS (ACP), và Kiểm soát đường dài giám sát ATS (ACS): tối thiểu 180 giờ hoặc 03 tháng, tính theo giá trị lớn hơn.

3. Năng định Kiểm soát tiếp cận ra đa chính xác (APRC Approach precision radar control rating): Thực hiện tối thiểu 200 lần tiếp cận chính xác, trong đó có tối đa 100 lần thực hiện trên thiết bị mô phỏng, giả định được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận và tối thiểu 100 lần thực hiện trên trang thiết bị thực tế tại cơ sở đề nghị cấp năng định.

4. Trường hợp năng định APS có dẫn dắt tiếp cận bằng hệ thống giám sát: Phải thực hiện thêm tối thiểu 25 lần dẫn dắt tiếp cận trên màn hình hiển thị vị trí hoặc hệ thống giám sát tương đương tại cơ sở dưới sự giám sát của giáo viên thực hành tại vị trí làm việc (ATC OJTI).

5. Đơn đề nghị cấp năng định phải được nộp trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày hoàn thành yêu cầu về kinh nghiệm được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 340 Thông tư số 47/2026/TT-BXD.

6. Trong trường hợp người nộp đơn đã được cấp một năng định loại khác, hoặc đã được cấp cùng loại năng định đó nhưng tại một cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu khác, Cục Hàng không Việt Nam sẽ xem xét khả năng có thể giảm yêu cầu về kinh nghiệm theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 340 Thông tư số 47/2026/TT-BXD.

7. Trường hợp thay đổi cơ sở, vị trí hoặc môi trường khai thác có khác biệt đáng kể về hệ thống thiết bị, quy trình, vùng trời hoặc mức độ phức tạp thì phải hoàn thành chương trình Huấn luyện chuyển đổi (Conversion training) và được đánh giá đạt yêu cầu trước khi thực hiện nhiệm vụ độc lập. Kiểm soát viên không lưu chỉ được khai thác độc lập tại cơ sở ATS mới sau khi hoàn thành huấn luyện lý thuyết, huấn luyện mô phỏng, giả định hoặc huấn luyện bổ sung cần thiết, huấn luyện tại vị trí làm việc dưới sự giám sát của giáo viên đủ điều kiện và được đánh giá đạt năng lực theo chương trình huấn luyện đã được phê chuẩn.

*** Các yêu cầu về kỹ năng đối với Kiểm soát viên không lưu**

1. Người nộp đơn phải chứng minh được các kỹ năng, khả năng nhận định tình huống và hiệu quả thực hiện các công việc cần thiết để cung cấp dịch vụ điều hành bay an toàn, điều hòa và thông suốt, tương ứng với mức độ quyền hạn được cấp; bao gồm cả khả năng nhận diện và quản lý các mối đe dọa và sai sót (TEM).

2. Tài liệu hướng dẫn về việc áp dụng quản lý mối đe dọa và sai sót (TEM) được quy định tại Tài liệu PANS-TRG (Doc 9868), Phần II, Mục I, Chương 6 và Tài liệu hướng dẫn Đào tạo về các yếu tố con người (Tài liệu 9683)

II. Nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không

*** Điều kiện cấp giấy phép và năng định cho nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không**

Điều kiện chung để được cấp giấy phép:

1. Đáp ứng các tiêu chuẩn chung của nhân viên bảo đảm hoạt động bay;
2. Từ 21 tuổi trở lên;
3. Đã hoàn thành chương trình đào tạo ban đầu và huấn luyện đơn vị;
4. Đáp ứng yêu cầu về trình độ thông thạo tiếng Anh theo quy định tại Thông tư này;
5. Đạt yêu cầu của kỳ sát hạch cấp năng định do Cục Hàng không Việt Nam tổ chức.

*** Các yêu cầu về kiến thức và kinh nghiệm thực hành tối thiểu đối với việc đào tạo, huấn luyện nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không**

Người đề nghị cấp giấy phép nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu về:

1. Lý thuyết theo các chủ đề như sau:
 - a) Kiến thức chung: Dịch vụ Không lưu được cung cấp trong phạm vi quốc gia;
 - b) Phương thức khai thác: Phương thức liên lạc vô tuyến; thuật ngữ; mạng viễn thông hàng không;
 - c) Quy tắc và quy định: Các quy tắc và quy định áp dụng đối với nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không;
 - d) Thiết bị thông tin viễn thông: Nguyên lý, việc sử dụng và các giới hạn của thiết bị thông tin viễn thông tại một đài, trạm hàng không.

2. Kinh nghiệm:

Hoàn thành khóa đào tạo được phê chuẩn trong thời gian 12 tháng trước ngày nộp đơn đề nghị cấp giấy phép, năng định và có thời gian thực tập dưới sự giám sát của giáo viên thực hành tại vị trí làm việc trong thời gian tối thiểu là 02 tháng.

3. Kỹ năng:

Người đề nghị phải chứng minh năng lực trong việc:

- a) Khai thác các thiết bị liên lạc viễn thông đang được sử dụng;
- b) Chuyển và nhận các điện thông thoại vô tuyến một cách hiệu quả và chính xác.

4. Khi thực hiện nhiệm vụ tại một đài, trạm hàng không, người được cấp giấy phép nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không phải nắm vững toàn bộ thông tin về các loại thiết bị và phương thức khai thác được sử dụng tại đài, trạm hàng không đó.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 47/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay;
- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

a) Mẫu đơn đề nghị: Mẫu số 05

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI, BỔ SUNG, GIA HẠN GIẤY PHÉP, NĂNG ĐỊNH
CHO NHÂN VIÊN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY**

	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP, NĂNG ĐỊNH NHÂN VIÊN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY APPLICATION FOR ISSUANCE, REISSUANCE, OF AIR NAVIGATION SERVICE PERSONNEL LICENSE, RATING	HƯỚNG DẪN Có thể in hoặc đánh máy. Đề nghị không viết vào phần bôi đen, phần này chỉ dành cho cơ quan Cục Hàng không Việt Nam. Nộp đơn bản gốc cho Phòng Quản lý hoạt động bay - Cục Hàng không Việt Nam hoặc cơ quan được Cục Hàng không ủy quyền. Trường hợp thiếu chỗ điền thì có thể dùng tờ giấy đính kèm INSTRUCTIONS Print or type. Do not write in shaded areas, these are for CAAV use only. Submit original only to the Air Navigation Department or a CAAV Authorized Person. If additional space is required, use an attachment
---	--	---

A. TÔI LÀM ĐƠN NÀY ĐỀ NGHỊ (APPLICATION IS HEREBY MADE FOR):		
☐ CẤP MỚI (ISSUANCE): ☐ BỔ SUNG (ADDITION):	☐ CẤP LẠI GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG SAU (REISSUANCE OF THE FOLLOWING LICENSE): ☐ RENEWAL (GIA HẠN):	
1. ☐ KIỂM SOÁT VIÊN KHÔNG LƯU (AIR TRAFFIC CONTROLLER)	2. ☐ KHAI THÁC THIẾT BỊ THÔNG TIN LIÊN LẠC HK (AERONAUTICAL COMMUNICATIONS OPERATOR)	3. ☐ INSTRUCTOR (GIÁO VIÊN) 4. ☐ LOẠI KHÁC (OTHER)
B. NĂNG ĐỊNH ĐỀ NGHỊ (RATING APPLIED FOR ON BASIS OF):		
1. ☐ KIỂM SOÁT SÂN BAY (AERODROME CONTROL - ADC) 2. ☐ KIỂM SOÁT TIẾP CẬN KHÔNG CÓ GIÁM SÁT ATS (APPROACH CONTROL PROCEDURAL - APP) 3. ☐ KIỂM SOÁT TIẾP CẬN CÓ GIÁM SÁT (APPROACH CONTROL SURVEILLANCE - APS)	4. ☐ KIỂM SOÁT TIẾP CẬN BẰNG RA ĐA CHÍNH XÁC (APPROACH PRECISION RADAR CONTROL RATING - APRC) 5. ☐ KIỂM SOÁT ĐƯỜNG DÀI KHÔNG GIÁM SÁT (AREA CONTROL PROCEDURAL - ACP) 6. ☐ KIỂM SOÁT ĐƯỜNG DÀI CÓ GIÁM SÁT (AREA CONTROL SURVEILLANCE - ACS)	7. ☐ KHAI THÁC THIẾT BỊ THÔNG TIN LIÊN LẠC HK (AERONAUTICAL COMMUNICATIONS OPERATOR-ACO) 8. ☐ GIÁO VIÊN LÝ THUYẾT (THEORY INSTRUCTOR) 9. ☐ GIÁO VIÊN THỰC HÀNH HUẤN LUYỆN TRÊN THIẾT BỊ MÔ PHỎNG, GIÁ ĐỊNH (SIMULATOR INSTRUCTOR) 10. ☐ GIÁO VIÊN THỰC HÀNH HUẤN LUYỆN TẠI VỊ TRÍ LÀM VIỆC (OJT INSTRUCTOR)
C. XÁC NHẬN NĂNG ĐỊNH (RATING ENDORSEMENTS)		
1. KIỂM SOÁT SÂN BAY (ADC): ☐ KIỂM SOÁT ĐI CHUYỀN MẶT ĐẤT (GMC) ☐ KIỂM SOÁT TẠI SÂN BAY (TWR)		
D. THÔNG TIN CÁ NHÂN (AIRMAN PERSONAL INFORMATION):		
1. HỌ VÀ TÊN (FULL NAME):	2. ĐỊA CHỈ NƠI Ở (PLACE OF RESIDENCE):	
3. ĐIỆN THOẠI (TELEPHONE):	4. SỐ CCCD (IDENTITY CARD):	5. ĐỊA CHỈ THƯ ĐIỆN TỬ (E-MAIL ADDRESS):

6. NGÀY THÁNG NĂM SINH (DATE OF BIRTH) (DAY, MONTH, YEAR):		7. NƠI SINH (PLACE OF BIRTH):		8. QUỐC TỊCH (NATIONALITY):	
				9. TRÌNH ĐỘ NGÔN NGỮ (LANGUAGE PROFICIENCY LEVEL) Level 4/+? ☐ CÓ (Yes) ☐ KHÔNG (No)	
10. VỊ TRÍ VÀ ĐƠN VỊ CÔNG TÁC (POSITION AND EMPLOYING ORGANIZATION):					
D. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ SỨC KHỎE (MEDICAL EVALUATION INFORMATION):					
1. SỨC KHỎE MỨC 3 (CLASS 3 MEDICAL ASSESSMENT): ☐ CÓ (Yes) ☐ KHÔNG (No)		2. NƠI CẤP (PLACE OF ISSUE)		3. NGÀY HẾT HẠN CHỨNG CHỈ SỨC KHỎE (MEDICAL CERTIFICATE EXPIRATION DATE)	
				4. GIÁM ĐỊNH VIÊN (MEDICAL EXAMINER)	
E. CHỨNG THỰC (APPLICANT'S CERTIFICATION) - Tôi cam đoan rằng tất cả những thông tin cung cấp ở trên là chính xác và đúng sự thật, và tôi đồng ý rằng đó là cơ sở để xem xét cấp giấy phép cho tôi (I certify that all statements and answers provided by me on this application form are complete and true to the best of my knowledge and I agree that they are to be considered as part of the basis for issuance of any caav license to me).					
Ảnh cỡ 3 x 4 (Photograph (3x4 cm))				Ngày ký (Date signed): Chữ ký của người làm đơn (APPLICANT SIGNATURE):	
G. Ý KIẾN CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN (OJI INSTRUCTOR'S RECOMMENDATION)					
Tôi đã hướng dẫn cho cá nhân này thực hiện huấn luyện (I have personally instructed the applicant and consider this person ready to take the training)					
1. TÊN KHÓA HUẤN LUYỆN (COMPLETED TRAINING COURSE TITLE)			2. TỔNG THỜI GIAN HUẤN LUYỆN (TOTAL TRAINING DURATION)		3. KẾT QUẢ (RESULT ACHIEVED)
4. ☐ ĐẠT YÊU CẦU KIỂM TRA KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG (COMPLETION OF REQUIRED KNOWLEDGE AND SKILL TEST)			5. TỔNG GIỜ HUẤN LUYỆN SIM nếu áp dụng (TOTAL TIME IN SIM if applicable) Hours Hours		
6. Ngày ký (Date signed)		7. Chữ ký – Họ và tên của Giáo viên OJTI (Instructor's signature (name and sign))		8. Số giấy phép của Giáo viên OJTI (Instructor License No.)	
				9. Thời hạn của giấy phép (License expires)	

H. BÁO CÁO CỦA SÁT HẠCH VIÊN (DESIGNATED EXAMINER'S REPORT)			
1. Giấy phép (License Issued) (Copy Attached)			
2. Tôi đã trực tiếp xem xét hồ sơ huấn luyện và xác nhận cá nhân đáp ứng các yêu cầu liên quan cho việc đề nghị cấp giấy phép hoặc năng định (I have personally reviewed this applicant's training record, and certify that the individual meets the pertinent requirements for the license or rating sought).			
3. Tôi đã kiểm tra kiến thức (I have personally tested this applicant's knowledge)			
4. Tôi đã kiểm tra và/hoặc xác minh cá nhân này theo các quy trình và tiêu chuẩn liên quan với kết quả được nêu dưới đây (I have personally tested and/or verified this applicant in accordance with pertinent procedures and standards with the results indicated below).			
I. ĐÁNH GIÁ (EVALUATOR'S RECORD):			
1. Địa điểm thực hiện kiểm tra (Tên cơ sở, địa điểm Name of Unit, Location):			
2. Năng định kiểm tra/đánh giá (Rating for which tested):			
2.1. NĂNG ĐỊNH 1:			
K. KẾT QUẢ KIỂM TRA SÁT HẠCH (PROFICIENCY CHECK RESULTS):			
1. ☐ Proficiency check - Knowledge (Theory)	A. ☐ Satisfactory	B. ☐ Unsatisfactory	C. ☐ Needs further training as indicated
2. ☐ Proficiency check - On-the-Job (OJT)	A. ☐ Satisfactory	B. ☐ Unsatisfactory	C. ☐ Needs further training as indicated
3. ☐ Proficiency check - Oral	A. ☐ Satisfactory	B. ☐ Unsatisfactory	C. ☐ Needs further training as indicated
4. ☐ Proficiency check - Simulator (if applicable)	A. ☐ Satisfactory	B. ☐ Unsatisfactory	C. ☐ Needs further training as indicated
Chữ ký của Sát hạch viên (Họ tên và ký tên) Examiner's Signature (Name & Sign) Ngày (Date)			
2.2. NĂNG ĐỊNH 2:			
K. KẾT QUẢ KIỂM TRA SÁT HẠCH (PROFICIENCY CHECK RESULTS):			
1. ☐ Proficiency check - Knowledge (Theory)	A. ☐ Satisfactory	B. ☐ Unsatisfactory	C. ☐ Needs further training as indicated
2. ☐ Proficiency check - On-the-Job (OJ)	A. ☐ Satisfactory	B. ☐ Unsatisfactory	C. ☐ Needs further training as indicated
3. ☐ Proficiency check – Oral	A. ☐ Satisfactory	B. ☐ Unsatisfactory	C. ☐ Needs further training as indicated
4. ☐ Proficiency check – Simulator (if applicable)	A. ☐ Satisfactory	B. ☐ Unsatisfactory	C. ☐ Needs further

			training as indicated
Chữ ký của Sát hạch viên (Họ tên và ký tên) Examiner's Signature (Name & Sign) Ngày (Date)			
3. ☐ Đồng ý (bản gốc đính kèm) (Approved – License Issued (Original Attached))			
4. ☐ Không đồng ý – Đã thông báo không đồng ý (bản gốc đính kèm) - (Disapproved – Disapproval Notice Issued (Original Attached))			
L. BÁO CÁO CỦA CƠ QUAN CẤP PHÉP PEL (PEL LICENSING AUTHORITY REPORT)			
Hội đồng sát hạch nhân viên hàng không lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay căn cứ kết quả sát hạch (Personnel Licensing Board for ANS based on the examination results): Người làm đơn đã được kiểm tra theo đúng quy định hiện hành, đáp ứng đầy đủ các quy trình, tiêu chuẩn, và các yêu cầu cần thiết liên quan với kết quả như sau (This applicant has been tested in accordance with or have otherwise verified that this applicant complies with pertinent procedures, standards, and necessary requirements with the result indicated below):			
1. ☐ Đồng ý – Cấp giấy phép (Approved - License Issued) (<i>Bản gốc-Original Attached</i>)		2. ☐ Không đồng ý – Báo cáo không đồng ý (Disapproved – Disapproval Notice Issued) (<i>Bản gốc-Original Attached</i>)	
3. Địa điểm thực hiện (Tên cơ sở, Thành phố, Tỉnh) Location of Test (Unit, City/Province):			
4. Số giấy phép (License number):		5. Ngày cấp lần đầu giấy phép (Initial date of issue):	
6. Giấy phép hoặc năng định được kiểm tra (License or Rating for which tested)			
7. Ngày (Date)	8. Chữ ký – Họ và tên của người cấp phép (Pel Licensing officer's signature (Name & sign))		
M. HỒ SƠ ĐÍNH KÈM (ATTACHMENTS):			
1. ☐ Giấy phép (License) Bản chụp-Copy			

b) Mẫu giấy phép: Mẫu số 11

GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

	I) VIII)	SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM	
	IV) Name: V) Domicile: IVa) Date of birth: VI) Nationality: IX) Has been found to be properly qualified to exercise the privileges appropriate to a: II)	X) Issue Date	XIa)
III) Number: VII) License Holder	X) Director-General	XII) Ratings:	XI c)
.....		XIII) Limitations:	XIII) Endorsements:
Language Proficiency: IX) Expiration Date:		Control Number:	

1. Nội dung và Mẫu Giấy phép nhân viên bảo đảm hoạt động bay

- Tên quốc gia; Cơ quan chủ quản; cơ quan cấp giấy phép (chữ đậm);
- Logo;
- Loại giấy phép (chữ đậm);
- Số giấy phép do Cục Hàng không Việt Nam cấp;

- đ) Họ tên đầy đủ của người được cấp giấy phép;
- e) Nơi sinh, ngày sinh của người được cấp giấy phép;
- g) Địa chỉ của người được cấp giấy phép;
- h) Quốc tịch của người được cấp giấy phép;
- i) Ảnh của người được cấp giấy phép;
- k) Chữ ký của người được cấp giấy phép;
- l) Tên Nhà chức trách hàng không cấp giấy phép (Cục Hàng không Việt Nam);
- m) Chứng nhận liên quan đến hiệu lực và quyền hạn phù hợp với giấy phép của người được cấp;
- n) Chữ ký của người có thẩm quyền và ngày cấp giấy phép;
- o) Năng định;
- p) Ghi chú (chứng nhận đặc biệt liên quan đến các hạn chế và các chứng nhận quyền hạn bao gồm cả trình độ thông thạo ngôn ngữ);
- q) Thông tin khác của Cục Hàng không Việt Nam;
- r) QR code để truy xuất dữ liệu xác thực (**machine-readable code** to retrieve authentication data).
- s) Mẫu Giấy phép nhân viên bảo đảm hoạt động bay được quy định tại Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chất liệu của giấy phép: Giấy hoặc chất liệu phù hợp khác như thẻ nhựa bảo đảm các nội dung ở khoản 2 Điều này được thể hiện rõ ràng.

3. Ngôn ngữ: Các thông tin trên Giấy phép được thể hiện bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng Anh.

4. Hình thức trình bày thông tin trên giấy phép: Các mục ghi trên giấy phép được đánh số bằng chữ số La Mã theo quy định tại Mục 5.2.1 Phụ ước 1 của ICAO. Các đầu mục có thể in theo thứ tự sao cho thuận lợi nhất đối với Cục Hàng không Việt Nam.

4. Cấp Giấy chứng nhận khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam gửi thông báo thu phí cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam trả hồ sơ và nêu rõ lý do;

- Việc nộp phí được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Hàng không Việt Nam xác nhận hồ sơ hợp lệ; quá thời hạn này, các tổ chức, cá nhân không hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam từ chối giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thực hiện việc nộp phí của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Các khoản phí và lệ phí thực hiện theo pháp luật về phí và lệ phí.

- Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xác nhận nộp phí, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, kiểm tra thực tế, yêu cầu tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận giải trình bổ sung các nội dung liên quan và cấp Giấy chứng nhận khai thác cơ sở; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải gửi văn bản trả lời cho tổ chức đề nghị biết và nêu rõ lý do.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

4.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác cơ sở theo Mẫu;
- Tài liệu chứng minh về cơ cấu tổ chức, nhân sự quản lý chủ chốt, nhân lực chuyên môn;
- Danh mục cơ sở cung cấp dịch vụ, công trình, hệ thống trang thiết bị kỹ thuật; kèm theo Bản sao hoặc bản sao điện tử biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào khai thác và bản sao văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng;
- Hệ thống tài liệu khai thác, tài liệu bảo dưỡng, tài liệu phối hợp, hiệp đồng;
- Tài liệu về hệ thống quản lý an toàn, giám sát tuân thủ hoặc quản lý chất lượng;

- Báo cáo đánh giá an toàn, tài liệu thử nghiệm, kiểm chứng khai thác đối với trường hợp pháp luật yêu cầu.

b) Số lượng: 01 bộ

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn gửi thông báo thu phí: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ,

- Thời hạn thẩm định, kiểm tra thực tế, cấp Giấy chứng nhận: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xác nhận nộp phí.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

4.8. Phí, lệ phí:

- Cơ sở Kiểm soát đường dài (ACC); Trung Tâm Quản lý luồng không lưu (ATFM); Cơ sở Kiểm soát tiếp cận tại sân (APP/TWR); Cơ sở Thông tin dẫn đường giám sát (CNS): 30.000.000 VNĐ/ lần cấp;

- Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay khác: 15.000.000 VNĐ/lần cấp.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 thu phí bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục VI Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác cơ sở;

- Giấy chứng nhận khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Doanh nghiệp, tổ chức được xem xét cấp Giấy chứng nhận khai thác cơ sở khi đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có cơ cấu tổ chức phù hợp với loại hình dịch vụ đề nghị cung cấp.

2. Có người đứng đầu, nhân sự quản lý chủ chốt và nhân viên chuyên môn có đủ trình độ, năng lực, kinh nghiệm, huấn luyện và đánh giá phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

3. Có cơ sở cung cấp dịch vụ, công trình và hệ thống trang thiết bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu khai thác an toàn, liên tục và hiệu quả.

4. Có hệ thống tài liệu khai thác, tài liệu bảo dưỡng, tài liệu phối hợp, hiệp đồng và tài liệu khác theo quy định.

5. Có hệ thống quản lý an toàn; cơ chế giám sát tuân thủ hoặc hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động.

6. Đã hoàn thành việc đánh giá an toàn, thử nghiệm, kiểm chứng khai thác đối với dịch vụ, cơ sở, công trình, hệ thống kỹ thuật hoặc các thay đổi lớn trước khi đưa vào khai thác lần đầu; đồng thời thực hiện quản lý sự thay đổi và đánh giá tính khả thi các biện pháp kiểm soát rủi ro an toàn.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 47/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

a) Mẫu đơn đề nghị: Mẫu số 01.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CƠ SỞ

	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CƠ SỞ APPLICATION FOR ISSUANCE OR REISSUANCE OF SERVICE PROVIDER UNIT CERTIFICATE	HƯỚNG DẪN In hoặc đánh máy. Chỉ nộp đơn bản gốc cho phòng Quản lý hoạt động bay hoặc người được Cục Hàng không ủy quyền, nếu thiếu chỗ thì dùng tờ đính kèm INSTRUCTIONS Print or type. Submit original only to the Air Navigation Department or a CAAV Authorized Person. If additional space is required, use an attachment
---	---	--

TÔI LÀM ĐƠN NÀY ĐỀ NGHỊ APPLICATION IS HEREBY MADE FOR CERTIFICATE:		☐ CẤP MỚI ISSUANCE	☐ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CƠ SỞ NHƯ SAU REISSUANCE OF THE FOLLOWING SERVICE PROVIDER UNIT
A. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC/ORGANIZATION INFORMATION			
1. Thông tin của đơn vị nộp đơn/Applicant Information			
Tên tổ chức/Organization Name		Mã bưu điện/Postal Code	
Số đăng ký/Registration Number		Thành phố/City	
Địa chỉ/Address		Quốc gia/Country	
2. Trụ sở chính (có thể để trống nếu trùng mục 1 phía trên)/Head Office (may be left blank if identical to Section 1 above)			
Tên tổ chức/Organization Name		Thành phố/City	
Địa chỉ/Address		Quốc gia/Country	
Mã bưu điện/Postal Code			
3. Thông tin và liên hệ/Information and Contact Details			
3.1 Đầu mối liên hệ chính với Cục HKVN/Primary Point of Contact with CAAV			
Họ và tên/Full Name:		Chức danh công việc/Job Title:	
Chức vụ/Position:		Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:	
3.2 Lãnh đạo chịu trách nhiệm/Accountable Manager			
Họ và tên/Full Name:		Chức danh công việc/Job Title:	
Chức vụ/Position:		Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:	
3.3 Người phụ trách khai thác/Operations Manager			
Họ và tên/Full Name:		Chức danh công việc/Job Title:	
Chức vụ/Position:		Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:	
3.4 Người phụ trách An toàn/Safety Manager			
Họ và tên/Full Name:		Chức danh công việc/Job Title:	
Chức vụ/Position:		Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:	
3.5 Người phụ trách giám sát tuân thủ hoặc quản lý chất lượng/Compliance Monitoring or Quality Manager			
Họ và tên/Full Name:		Chức danh công việc/Job Title:	
Chức vụ/Position:		Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:	

B. THÔNG TIN CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ/SERVICE PROVIDER UNIT INFORMATION	
1. Tên cơ sở/Service Provider Unit Name:	2. Địa chỉ/Address:

3. Trưởng cơ sở/Head of Unit:	Họ và tên/Full Name:
	Chức vụ/Position:
	Chức danh công việc/Job Title:
	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:
4. Công trình (nếu có)/ Infrastructure, Facility (if any)	

C. PHẠM VI CUNG CẤP DỊCH VỤ/SCOPE OF SERVICES			
Dịch vụ không lưu/Air Traffic Services (ATS) : ☐			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
Dịch vụ điều hành bay/Air Traffic Control (ATC)	☐	Dịch vụ kiểm soát đường dài/Area Control Service	☐
		Dịch vụ kiểm soát tiếp cận/Approach Control Service	☐
		Dịch vụ kiểm soát tại sân/Aerodrome Control Service	☐
Dịch vụ thông báo bay/Flight Information Service (FIS)	☐	Dịch vụ thông báo bay tại sân Aerodrome Flight Information Service (AFIS)	☐
		Dịch vụ thông báo bay đường dài/ En-route Flight Information Service (En-route FIS)	☐
Dịch vụ tư vấn không lưu/Advisory Service	☐	N/A	
Dịch vụ báo động/Alerting Service	☐	N/A	
Quản lý luồng không lưu/Air Traffic Flow Management ☐			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
ATFM	☐	Cung cấp dịch vụ ATFM/Provision of local ATFM services	☐
Khai thác và sử dụng vùng trời/Airspace Management (ASM) ☐			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
ASM	☐	Cung cấp dịch vụ khai thác và sử dụng vùng trời/Provision of airspace management and utilization services	☐
Các điều kiện, hạn chế (nếu có)/ Conditions and limitations (if any):			

Dịch vụ Thông tin, dẫn đường, giám sát/Communication, Navigation, Surveillance (CNS) Services			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
Thông tin/Communication	☐	Dịch vụ di động hàng không (Liên lạc không - địa)/Aeronautical Mobile Service (Air-ground communications)	☐
		Dịch vụ cố định hàng không (Liên lạc địa - địa)/Aeronautical Fixed Service (Ground-ground communications)	☐
		Dịch vụ di động vệ tinh hàng không (AMSS)/Aeronautical Mobile Satellite Service (AMSS)	☐
Dẫn đường/Navigation	☐	Dịch vụ cung cấp tín hiệu dẫn đường ILS/Provision of ILS navigation signals	☐
		Dịch vụ cung cấp tín hiệu dẫn đường VOR/Provision of VOR navigation signals	☐
		Dịch vụ cung cấp tín hiệu dẫn đường NDB/Provision of NDB navigation signals	☐
		Dịch vụ cung cấp tín hiệu dẫn đường DME/Provision of DME navigation signals	☐
		Dịch vụ cung cấp tín hiệu dẫn đường MLS/Provision of MLS navigation signals	☐
		Dịch vụ cung cấp tín hiệu dẫn đường GBAS/Provision of GBAS navigation signals	☐
		Dịch vụ cung cấp tín hiệu dẫn đường SBAS/Provision of SBAS navigation signals	☐

		Dịch vụ cung cấp tín hiệu dẫn đường sử dụng hệ thống khác/ Provision of navigation signals using other systems	☐
Giám sát/Surveillance	☐	Cung cấp dữ liệu từ ra đa giám sát sơ cấp (PS)/Provision of Primary Surveillance Radar (PSR) data	☐
		Cung cấp dữ liệu từ ra đa giám sát thứ cấp (SS)/Provision of Secondary Surveillance Radar (SSR) data	☐
		Cung cấp dữ liệu giám sát tự động (ADS)/ Provision of Automatic Dependent Surveillance (ADS) data	☐
Các điều kiện, hạn chế (nếu có)/ Conditions and limitations (if any):			

Dịch vụ Tin tức hàng không/Aeronautical Information Services (AIS) ☐			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
Sản phẩm tin tức hàng không Aeronautical information products (including distribution services)	☐	Tập tin tức hàng không / AIP	☐
		Thông tri hàng không / AIC	☐
		NOTAM	☐
		Bộ dữ liệu AIP/ AIP data set	☐
		Bộ dữ liệu chướng ngại vật/ Obstacle data sets	☐
		Bộ dữ liệu sơ đồ sân bay/ Aerodrome mapping data sets	☐
		Bộ dữ liệu cho phương thức bay thiết bị/ Instrument flight procedure data sets	☐
		Sơ đồ, bản đồ hàng không/ Aeronautical Maps, Charts	☐
		Bộ dữ liệu địa hình/ Terrain Obstacle data sets	☐
		ARO/AIS	☐
Dịch vụ thông tin trước chuyến bay/ Preflight information services	☐	N/A	
Các điều kiện, hạn chế (nếu có)/ Conditions and limitations (if any):			

Thiết kế phương thức bay/Flight procedure design ☐			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
Thiết kế phương thức bay/Flight procedure design	☐	Cung cấp dịch vụ Thiết kế phương thức bay/Provision of flight procedure design services	☐
Các điều kiện, hạn chế (nếu có)/ Conditions and limitations (if any):			

Khí tượng hàng không / Meteorological Services (MET): ☐			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
MET	☐	Cảnh báo thời tiết đường dài và khu vực/ Meteorological Watch Office	☐
		Khí tượng tại sân/ Aerodrome Meteorological Offices	☐
		Quan trắc khí tượng / Meteorological Stations	☐
		Tư vấn tro bụi núi lửa/ Volcanic Ash Advisory Centre (VAAC)	☐
		Dự báo khí tượng toàn cầu/ World Area Forecast Centre (WAFC)	☐
		Tư vấn bão nhiệt đới/ Tropical Cyclone Advisory Centre (TCAC)	☐
		Thông tin khí hậu tại sân/ Aerodromes climatological Information	☐

Các điều kiện, hạn chế (nếu có)/ Conditions and limitations (if any):

Dịch vụ Tìm kiếm cứu nạn hàng không/Search and Rescue Services (SAR) ☐

Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function	Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function
Tìm kiếm cứu nạn hàng không/Search and Rescue Services	☐
Các điều kiện, hạn chế (nếu có)/ Conditions and limitations (if any):	

Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn, bay đánh giá phương thức bay/Flight inspection, calibration, and flight procedure validation services ☐

Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function	Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function				
Bay kiểm tra, hiệu chuẩn, bay đánh giá phương thức bay/Flight inspection, calibration, and flight procedure validation	<table border="1"> <tr> <td>Bay kiểm tra, hiệu chuẩn/Flight inspection, calibration</td> <td>☐</td> </tr> <tr> <td>Bay đánh giá phương thức bay/Flight procedure validation</td> <td>☐</td> </tr> </table>	Bay kiểm tra, hiệu chuẩn/Flight inspection, calibration	☐	Bay đánh giá phương thức bay/Flight procedure validation	☐
Bay kiểm tra, hiệu chuẩn/Flight inspection, calibration	☐				
Bay đánh giá phương thức bay/Flight procedure validation	☐				
Các điều kiện, hạn chế (nếu có)/ Conditions and limitations (if any):					

Dịch vụ ANS khác/Other ANS services ☐

Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function	Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function
	☐
Các điều kiện, hạn chế (nếu có)/ Conditions and limitations (if any):	

D. HỒ SƠ, TÀI LIỆU KÈM THEO/ATTACHED DOSSIERS AND DOCUMENTS

Số thứ tự/No.	Tên hồ sơ/tài liệu/Name of dossier/document
1	
2	
3	
4	
5	
6	

E. PHƯƠNG THỨC NHẬN KẾT QUẢ/MANNER OF RECEIVING RESULTS

Bản giấy (Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính)/ Hard copy (In person at the Receiving and Result-Returning Department of the Civil Aviation Authority of Vietnam or via postal service)	☐	Bản điện tử (qua trực tuyến như địa chỉ email, ứng dụng OTT/nhắn tin được liên kết với số điện thoại của tổ chức, cá nhân)/Electronic copy (Online via email address or phone-linked messaging apps of the Organization/Individual)	☐
--	--------------------------	---	--------------------------

F. CAM KẾT/COMMITMENT		
Người nộp đơn xin cam đoan các thông tin được ghi trong đơn này là chính xác và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin đã khai/The Applicant hereby certifies that all information provided in this application is accurate and shall assume full responsibility for the declared information.		
Ngày nộp đơn/Date of application	Họ và tên/Full Name	Chữ ký và đóng dấu/Signature and Official stamp

Hướng dẫn điền mẫu đơn đề nghị cấp chứng nhận cơ sở ANS

Trường	Hướng dẫn hoàn thành
1.1. Tên và địa chỉ	Nhập đầy đủ tên công ty/cá nhân cung cấp dịch vụ như được ghi trên Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ pháp lý tương tự. Nhập thêm Tên thương mại, Tên giao dịch và Mã số đăng ký kinh doanh (nếu có). Nhập địa chỉ đăng ký như được ghi trên Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ pháp lý tương tự.
1.2. Địa chỉ	Tên (công ty) và địa chỉ của địa điểm chính. Tên và địa chỉ được nêu chi tiết trong phần này sẽ được in trên Giấy chứng nhận.
3.1. Đầu mối liên hệ	Tên và thông tin liên hệ được chỉ định trong phần này là của Người chịu trách nhiệm nộp đơn.
3.2. Lãnh đạo chịu trách nhiệm	Tên và thông tin liên hệ của người quản lý chịu trách nhiệm (Tổng Giám đốc hoặc chức vụ tương đương trong doanh nghiệp, tổ chức).
4. Phạm vi cung cấp dịch vụ	a) Đánh dấu vào các dịch vụ/chức năng, loại dịch vụ/chức năng, phạm vi dịch vụ/chức năng như được mô tả để thể hiện phạm vi hoạt động hiện đang được cơ sở cung cấp. b) Phần “điều kiện/giới hạn” bao gồm tất cả các điều kiện/giới hạn hoạt động được doanh nghiệp, tổ chức xác định liên quan đến các dịch vụ/chức năng mà việc chứng nhận được yêu cầu.
5. Danh sách tài liệu cần cung cấp kèm theo Đơn đề nghị	Cung cấp kèm theo đơn này các tài liệu được yêu cầu dưới đây: 1. Cơ cấu tổ chức; Người chịu trách nhiệm chính (Accountable Executive) có thẩm quyền cao nhất về nguồn lực và tài chính để bảo đảm an toàn; Các chức danh quản lý chủ chốt. 2. Sơ đồ tổ chức hiển thị hệ thống phân cấp trách nhiệm trong đơn vị. 3. Mô tả chung về nguồn lực, cơ sở vật chất và hoạt động của cơ sở. 4. Quy trình Quản lý sự thay đổi và người chịu trách nhiệm phê duyệt. 5. Chính sách về chất gây nghiện được thực hiện tại cơ sở. 6. Quy trình và chính sách phân lịch làm việc cho Kiểm soát viên không lưu (ATCO), quản lý căng thẳng và quản lý mệt mỏi. 7. Tài liệu khai thác cơ sở, Tài liệu khai thác bảo dưỡng hệ thống thiết bị. 8. Tài liệu Hệ thống Quản lý, bao gồm Hệ thống Quản lý An toàn, Hệ thống Quản lý Chất lượng, Hệ thống Quản lý An ninh 9. Danh sách các tổ chức hoặc đối tác hoặc tổ chức được ký hợp đồng (nếu có).
6. Cam kết	Chữ ký của Người quản lý chịu trách nhiệm (Tổng Giám đốc hoặc vị trí tương đương trong Doanh nghiệp, Tổ chức).

b) Mẫu Giấy chứng nhận: Mẫu số 07



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

BỘ XÂY DỰNG
MINISTRY OF CONSTRUCTION



CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CƠ SỞ ANS
ANS PROVIDER ORGANIZATION CERTIFICATE

Số/Number: GCN-CHK

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và các quy định hiện hành, Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận:

Tên doanh nghiệp, tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

là tổ chức được khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay với các dịch vụ/chức năng được liệt kê tại Phụ lục kèm theo.

Giấy chứng nhận này xác nhận doanh nghiệp, tổ chức được liệt kê trong giấy chứng nhận này được cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo các điều kiện nêu trong Tài liệu phạm vi hoạt động kèm theo.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày

Ngày cấp lần đầu/ *Date of first issue:*

Ngày cấp lại/ *Date of re-issue:*

CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL

Giấy chứng nhận này không được phép chuyển nhượng. Bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung chứng nhận phải được thông báo ngay cho Cục Hàng không Việt Nam./

CÁC DỊCH VỤ/CHỨC NĂNG CỦA CƠ SỞ SERVICES/FUNCTIONS OF UNIT

(Kèm theo Giấy chứng nhận số GCN-CHK)
(Attached to Certificate No. GCN-CHK)

(theo các điều kiện được phê chuẩn trong tài liệu khai thác của cơ sở
subject to the approved conditions in the operations manual)

A. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC/ORGANIZATION INFORMATION	
1. Lãnh đạo chịu trách nhiệm/Accountable Manager	
Họ và tên/Full Name:	Chức danh công việc/Job Title:
Chức vụ/Position:	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:
2. Người phụ trách khai thác/Operations Manager	
Họ và tên/Full Name:	Chức danh công việc/Job Title:
Chức vụ/Position:	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:
3. Người phụ trách An toàn/Safety Manager	
Họ và tên/Full Name:	Chức danh công việc/Job Title:
Chức vụ/Position:	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:
4. Người phụ trách giám sát tuân thủ hoặc quản lý chất lượng/Compliance Monitoring or Quality Manager	
Họ và tên/Full Name:	Chức danh công việc/Job Title:
Chức vụ/Position:	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:

B. THÔNG TIN CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ/SERVICE PROVIDER UNIT INFORMATION	
1. Tên cơ sở/Service Provider Unit Name:	2. Địa chỉ/Address:
3. Trưởng cơ sở/Head of Unit:	Họ và tên/Full Name:
	Chức vụ/Position:
	Chức danh công việc/Job Title:
	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:
4. Công trình (nếu có)/Structure, Facility (if any)	

5. Cấp lại Giấy chứng nhận khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác, Cục Hàng không Việt Nam gửi thông báo thu phí cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam trả hồ sơ và nêu rõ lý do;

- Việc nộp phí được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính xác nhận hồ sơ hợp lệ; quá thời hạn này, các tổ chức, cá nhân không hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính từ chối giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thực hiện việc nộp phí của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Các khoản phí và lệ phí thực hiện theo pháp luật về phí và lệ phí.

- Đối với trường hợp cấp lại do (1) Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức; (2) Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xác nhận nộp phí, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy chứng nhận khai thác cơ sở cho doanh nghiệp, tổ chức đề nghị, đồng thời thu hồi hoặc bãi bỏ Giấy chứng nhận khai thác cơ sở đã cấp.

- Đối với trường hợp cấp lại do (1) Được phục hồi sau khi đã khắc phục nguyên nhân dẫn đến đình chỉ, thu hồi theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam hoặc (2) Thay đổi lớn làm phát sinh yêu cầu cấp lại giấy chứng nhận là thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, phạm vi cung cấp dịch vụ; phương thức khai thác; cơ cấu tổ chức, hệ thống quản lý hoặc nhân sự chủ chốt làm ảnh hưởng đến chức năng chịu trách nhiệm về an toàn, hệ thống quản lý an toàn (SMS), năng lực duy trì cung cấp dịch vụ liên tục; thay đổi địa điểm, khu vực trách nhiệm, cơ sở kỹ thuật; đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng hạ tầng, hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị làm biến đổi thông số kỹ thuật hàng không, năng lực khai thác, điều kiện khai thác hoặc nội dung đã ghi trong giấy chứng nhận hoặc Phụ lục kèm theo giấy chứng nhận. Việc xác định thay đổi lớn phải căn cứ vào hồ sơ đề nghị, kết quả đánh giá an toàn, đánh giá rủi ro và mức độ ảnh hưởng đến phạm vi, điều kiện, năng lực cung cấp dịch vụ đã được cấp phép:

Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xác nhận nộp phí, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, kiểm tra thực tế, yêu cầu tổ chức đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận giải trình bổ sung các nội dung liên quan và cấp Giấy chứng nhận khai thác cơ sở ANS; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải gửi văn bản trả lời cho tổ chức đề nghị biết và nêu rõ lý do.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

5.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp cấp lại do (1) Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức; (2) Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng:

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận khai thác cơ sở theo mẫu;

+ Báo cáo giải trình lý do đề nghị cấp lại;

- Đối với trường hợp cấp lại do (1) Được phục hồi sau khi đã khắc phục nguyên nhân dẫn đến đình chỉ, thu hồi theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam hoặc (2) Thay đổi lớn làm phát sinh yêu cầu cấp lại giấy chứng nhận là thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, phạm vi cung cấp dịch vụ; phương thức khai thác; cơ cấu tổ chức, hệ thống quản lý hoặc nhân sự chủ chốt làm ảnh hưởng đến chức năng chịu trách nhiệm về an toàn, hệ thống quản lý an toàn (SMS), năng lực duy trì cung cấp dịch vụ liên tục; thay đổi địa điểm, khu vực trách nhiệm, cơ sở kỹ thuật; đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng hạ tầng, hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị làm biến đổi thông số kỹ thuật hàng không, năng lực khai thác, điều kiện khai thác hoặc nội dung đã ghi trong giấy chứng nhận hoặc Phụ lục kèm theo giấy chứng nhận. Việc xác định thay đổi lớn phải căn cứ vào hồ sơ đề nghị, kết quả đánh giá an toàn, đánh giá rủi ro và mức độ ảnh hưởng đến phạm vi, điều kiện, năng lực cung cấp dịch vụ đã được cấp phép:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận khai thác cơ sở theo Mẫu;

+ Tài liệu chứng minh về cơ cấu tổ chức, nhân sự quản lý chủ chốt, nhân lực chuyên môn;

+ Danh mục cơ sở cung cấp dịch vụ, công trình, hệ thống trang thiết bị kỹ thuật; kèm theo Bản sao hoặc bản sao điện tử biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào khai thác và bản sao văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng;

+ Hệ thống tài liệu khai thác, tài liệu bảo dưỡng, tài liệu phối hợp, hiệp đồng;

+ Tài liệu về hệ thống quản lý an toàn, giám sát tuân thủ hoặc quản lý chất lượng;

+ Báo cáo đánh giá an toàn, tài liệu thử nghiệm, kiểm chứng khai thác đối với trường hợp pháp luật yêu cầu.

b) Số lượng: 01 bộ

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn gửi thông báo thu phí: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, chính xác.

- Thời hạn thẩm định, kiểm tra thực tế, cấp Giấy chứng nhận:

+ Đối với trường hợp cấp lại do (1) Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức; (2) Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xác nhận nộp phí.

+ Đối với trường hợp cấp lại do (1) Được phục hồi sau khi đã khắc phục nguyên nhân dẫn đến đình chỉ, thu hồi theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam hoặc (2) Thay đổi lớn làm phát sinh yêu cầu cấp lại giấy chứng nhận là thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, phạm vi cung cấp dịch vụ; phương thức khai thác; cơ cấu tổ chức, hệ thống quản lý hoặc nhân sự chủ chốt làm ảnh hưởng đến chức năng chịu trách nhiệm về an toàn, hệ thống quản lý an toàn (SMS), năng lực duy trì cung cấp dịch vụ liên tục; thay đổi địa điểm, khu vực trách nhiệm, cơ sở kỹ thuật; đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng hạ tầng, hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị làm biến đổi thông số kỹ thuật hàng không, năng lực khai thác, điều kiện khai thác hoặc nội dung đã ghi trong giấy chứng nhận hoặc Phụ lục kèm theo giấy chứng nhận. Việc xác định thay đổi lớn phải căn cứ vào hồ sơ đề nghị, kết quả đánh giá an toàn, đánh giá rủi ro và mức độ ảnh hưởng đến phạm vi, điều kiện, năng lực cung cấp dịch vụ đã được cấp phép: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xác nhận nộp phí.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

5.8. Phí, lệ phí:

- Cơ sở Kiểm soát đường dài (ACC); Trung Tâm Quản lý luồng không lưu (ATFM); Cơ sở Kiểm soát tiếp cận tại sân (APP/TWR); Cơ sở Thông tin dẫn đường giám sát (CNS): 10.000.000 VNĐ.

- Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay khác: 5.000.000 VNĐ.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 thu phí bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục VI Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận khai thác cơ sở theo mẫu;
- Giấy chứng nhận khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Doanh nghiệp, tổ chức được xem xét cấp Giấy chứng nhận khi đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có cơ cấu tổ chức phù hợp với loại hình dịch vụ đề nghị cung cấp.
2. Có người đứng đầu, nhân sự quản lý chủ chốt và nhân viên chuyên môn có đủ trình độ, năng lực, kinh nghiệm, huấn luyện và đánh giá phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

3. Có cơ sở cung cấp dịch vụ, công trình và hệ thống trang thiết bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu khai thác an toàn, liên tục và hiệu quả.

4. Có hệ thống tài liệu khai thác, tài liệu bảo dưỡng, tài liệu phối hợp, hiệp đồng và tài liệu khác theo quy định.

5. Có hệ thống quản lý an toàn; cơ chế giám sát tuân thủ hoặc hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động.

6. Đã hoàn thành việc đánh giá an toàn, thử nghiệm, kiểm chứng khai thác đối với dịch vụ, cơ sở, công trình, hệ thống kỹ thuật hoặc các thay đổi lớn trước khi đưa vào khai thác lần đầu; đồng thời thực hiện quản lý sự thay đổi và đánh giá tính khả thi các biện pháp kiểm soát rủi ro an toàn.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 47/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

a) Mẫu đơn đề nghị: Mẫu số 01.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CƠ SỞ

	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CƠ SỞ APPLICATION FOR ISSUANCE OR REISSUANCE OF SERVICE PROVIDER UNIT CERTIFICATE	HƯỚNG DẪN In hoặc đánh máy. Chỉ nộp đơn bản gốc cho phòng Quản lý hoạt động bay hoặc người được Cục Hàng không ủy quyền, nếu thiếu chỗ thì dùng tờ đính kèm INSTRUCTIONS Print or type. Submit original only to the Air Navigation Department or a CAAV Authorized Person. If additional space is required, use an attachment
---	--	---

TÔI LÀM ĐƠN NÀY ĐỀ NGHỊ APPLICATION IS HEREBY MADE FOR CERTIFICATE:		☐ CẤP MỚI ISSUANCE	☐ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CƠ SỞ NHƯ SAU REISSUANCE OF THE FOLLOWING SERVICE PROVIDER UNIT
A. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC/ORGANIZATION INFORMATION			
1. Thông tin của đơn vị nộp đơn/Applicant Information			
Tên tổ chức/Organization Name		Mã bưu điện/Postal Code	
Số đăng ký/Registration Number		Thành phố/City	
Địa chỉ/Address		Quốc gia/Country	
2. Trụ sở chính (có thể để trống nếu trùng mục 1 phía trên)/Head Office (may be left blank if identical to Section 1 above)			
Tên tổ chức/Organization Name		Thành phố/City	
Địa chỉ/Address		Quốc gia/Country	
Mã bưu điện/Postal Code			
3. Thông tin và liên hệ/Information and Contact Details			
3.1 Đầu mối liên hệ chính với Cục HKVN/Primary Point of Contact with CAAV			
Họ và tên/Full Name:		Chức danh công việc/Job Title:	
Chức vụ/Position:		Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:	
3.2 Lãnh đạo chịu trách nhiệm/Accountable Manager			
Họ và tên/Full Name:		Chức danh công việc/Job Title:	
Chức vụ/Position:		Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:	
3.3 Người phụ trách khai thác/Operations Manager			
Họ và tên/Full Name:		Chức danh công việc/Job Title:	
Chức vụ/Position:		Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:	
3.4 Người phụ trách An toàn/Safety Manager			
Họ và tên/Full Name:		Chức danh công việc/Job Title:	
Chức vụ/Position:		Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:	
3.5 Người phụ trách giám sát tuân thủ hoặc quản lý chất lượng/Compliance Monitoring or Quality Manager			
Họ và tên/Full Name:		Chức danh công việc/Job Title:	
Chức vụ/Position:		Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:	

B. THÔNG TIN CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ/SERVICE PROVIDER UNIT INFORMATION

1. Tên cơ sở/Service Provider Unit Name:		2. Địa chỉ/Address:	
3. Trưởng cơ sở/Head of Unit:	Họ và tên/Full Name:		
	Chức vụ/Position:		
	Chức danh công việc/Job Title:		
	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:		
4. Công trình (nếu có)/ Infrastructure, Facility (if any)			

C. PHẠM VI CUNG CẤP DỊCH VỤ/SCOPE OF SERVICES			
Dịch vụ không lưu/Air Traffic Services (ATS) : ☐			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
Dịch vụ điều hành bay/Air Traffic Control (ATC)	☐	Dịch vụ kiểm soát đường dài/Area Control Service	☐
		Dịch vụ kiểm soát tiếp cận/Approach Control Service	☐
		Dịch vụ kiểm soát tại sân/Aerodrome Control Service	☐
Dịch vụ thông báo bay/Flight Information Service (FIS)	☐	Dịch vụ thông báo bay tại sân Aerodrome Flight Information Service (AFIS)	☐
		Dịch vụ thông báo bay đường dài/ En-route Flight Information Service (En-route FIS)	☐
Dịch vụ tư vấn không lưu/Advisory Service	☐	N/A	
Dịch vụ báo động/Alerting Service	☐	N/A	
Quản lý luồng không lưu/Air Traffic Flow Management ☐			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
ATFM	☐	Cung cấp dịch vụ ATFM/Provision of local ATFM services	☐
Khai thác và sử dụng vùng trời/Airspace Management (ASM) ☐			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
ASM	☐	Cung cấp dịch vụ khai thác và sử dụng vùng trời/Provision of airspace management and utilization services	☐
Các điều kiện, hạn chế (nếu có)/ Conditions and limitations (if any):			

Dịch vụ Thông tin, dẫn đường, giám sát/Communication, Navigation, Surveillance (CNS) Services			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
Thông tin/Communication	☐	Dịch vụ di động hàng không (Liên lạc không - địa)/Aeronautical Mobile Service (Air-ground communications)	☐
		Dịch vụ cố định hàng không (Liên lạc địa - địa)/Aeronautical Fixed Service (Ground-ground communications)	☐
		Dịch vụ di động vệ tinh hàng không (AMSS)/Aeronautical Mobile Satellite Service (AMSS)	☐
Dẫn đường/Navigation	☐	Dịch vụ cung cấp tín hiệu dẫn đường ILS/Provision of ILS navigation signals	☐
		Dịch vụ cung cấp tín hiệu dẫn đường VOR/Provision of VOR navigation signals	☐
		Dịch vụ cung cấp tín hiệu dẫn đường NDB/Provision of NDB navigation signals	☐
		Dịch vụ cung cấp tín hiệu dẫn đường DME/Provision of DME navigation signals	☐
		Dịch vụ cung cấp tín hiệu dẫn đường MLS/Provision of MLS navigation signals	☐
		Dịch vụ cung cấp tín hiệu dẫn đường GBAS/Provision of GBAS navigation signals	☐

		Dịch vụ cung cấp tín hiệu dẫn đường SBAS/Provision of SBAS navigation signals	☐
		Dịch vụ cung cấp tín hiệu dẫn đường sử dụng hệ thống khác/ Provision of navigation signals using other systems	☐
Giám sát/Surveillance	☐	Cung cấp dữ liệu từ ra đa giám sát sơ cấp (PS)/Provision of Primary Surveillance Radar (PSR) data	☐
		Cung cấp dữ liệu từ ra đa giám sát thứ cấp (SS)/Provision of Secondary Surveillance Radar (SSR) data	☐
		Cung cấp dữ liệu giám sát tự động (ADS)/ Provision of Automatic Dependent Surveillance (ADS) data	☐
Các điều kiện, hạn chế (nếu có)/ Conditions and limitations (if any):			

Dịch vụ Tin tức hàng không/Aeronautical Information Services (AIS) ☐			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
Sản phẩm tin tức hàng không Aeronautical information products (including distribution services)	☐	Tập tin tức hàng không / AIP	☐
		Thông tri hàng không / AIC	☐
		NOTAM	☐
		Bộ dữ liệu AIP/ AIP data set	☐
		Bộ dữ liệu chướng ngại vật/ Obstacle data sets	☐
		Bộ dữ liệu sơ đồ sân bay/ Aerodrome mapping data sets	☐
		Bộ dữ liệu cho phương thức bay thiết bị/ Instrument flight procedure data sets	☐
		Sơ đồ, bản đồ hàng không/ Aeronautical Maps, Charts	☐
		Bộ dữ liệu địa hình/ Terrain Obstacle data sets	☐
		ARO/AIS	☐
Dịch vụ thông tin trước chuyến bay/ Preflight information services	☐	N/A	
Các điều kiện, hạn chế (nếu có)/ Conditions and limitations (if any):			

Thiết kế phương thức bay/Flight procedure design ☐			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
Thiết kế phương thức bay/Flight procedure design	☐	Cung cấp dịch vụ Thiết kế phương thức bay/Provision of flight procedure design services	☐
Các điều kiện, hạn chế (nếu có)/ Conditions and limitations (if any):			

Khí tượng hàng không / Meteorological Services (MET): ☐			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
MET	☐	Cảnh báo thời tiết đường dài và khu vực/ Meteorological Watch Office	☐
		Khí tượng tại sân/ Aerodrome Meteorological Offices	☐
		Quan trắc khí tượng / Meteorological Stations	☐
		Tư vấn tro bụi núi lửa/ Volcanic Ash Advisory Centre (VAAC)	☐
		Dự báo khí tượng toàn cầu/ World Area Forecast Centre (WAFC)	☐
		Tư vấn bão nhiệt đới/ Tropical Cyclone Advisory Centre (TCAC)	☐

		Thông tin khí hậu tại sân/ Aerodromes climatological Information	☐
Các điều kiện, hạn chế (nếu có)/ Conditions and limitations (if any):			

Dịch vụ Tìm kiếm cứu nạn hàng không/Search and Rescue Services (SAR) ☐			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
Tìm kiếm cứu nạn hàng không/Search and Rescue Services	☐		
Các điều kiện, hạn chế (nếu có)/ Conditions and limitations (if any):			

Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn, bay đánh giá phương thức bay/Flight inspection, calibration, and flight procedure validation services ☐			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
Bay kiểm tra, hiệu chuẩn, bay đánh giá phương thức bay/Flight inspection, calibration, and flight procedure validation	☐	Bay kiểm tra, hiệu chuẩn/Flight inspection, calibration	☐
		Bay đánh giá phương thức bay/Flight procedure validation	☐
Các điều kiện, hạn chế (nếu có)/ Conditions and limitations (if any):			

Dịch vụ ANS khác/Other ANS services ☐			
Loại dịch vụ/chức năng Type of service/function		Phạm vi của dịch vụ/Chức năng Scope of service/Function	
	☐		☐
Các điều kiện, hạn chế (nếu có)/ Conditions and limitations (if any):			

D. HỒ SƠ, TÀI LIỆU KÈM THEO/ATTACHED DOSSIERS AND DOCUMENTS	
Số thứ tự/No.	Tên hồ sơ/tài liệu/Name of dossier/document
1	
2	
3	
4	
5	
6	

E. PHƯƠNG THỨC NHẬN KẾT QUẢ/MANNER OF RECEIVING RESULTS

Bản giấy (Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính)/ Hard copy (In person at the Receiving and Result-Returning Department of the Civil Aviation Authority of Vietnam or via postal service)	☐	Bản điện tử (qua trực tuyến như địa chỉ email, ứng dụng OTT/nhắn tin được liên kết với số điện thoại của tổ chức, cá nhân)/Electronic copy (Online via email address or phone-linked messaging apps of the Organization/Individual)	☐
--	--------------------------	---	--------------------------

F. CAM KẾT/COMMITMENT		
Người nộp đơn xin cam đoan các thông tin được ghi trong đơn này là chính xác và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin đã khai/The Applicant hereby certifies that all information provided in this application is accurate and shall assume full responsibility for the declared information.		
Ngày nộp đơn/Date of application	Họ và tên/Full Name	Chữ ký và đóng dấu/Signature and Official stamp

Hướng dẫn điền mẫu đơn đề nghị cấp chứng nhận cơ sở ANS

Trường	Hướng dẫn hoàn thành
1.1. Tên và địa chỉ	Nhập đầy đủ tên công ty/cá nhân cung cấp dịch vụ như được ghi trên Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ pháp lý tương tự. Nhập thêm Tên thương mại, Tên giao dịch và Mã số đăng ký kinh doanh (nếu có). Nhập địa chỉ đăng ký như được ghi trên Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ pháp lý tương tự.
1.2. Địa chỉ	Tên (công ty) và địa chỉ của địa điểm chính. Tên và địa chỉ được nêu chi tiết trong phần này sẽ được in trên Giấy chứng nhận.
3.1. Đầu mối liên hệ	Tên và thông tin liên hệ được chỉ định trong phần này là của Người chịu trách nhiệm nộp đơn.
3.2. Lãnh đạo chịu trách nhiệm	Tên và thông tin liên hệ của người quản lý chịu trách nhiệm (Tổng Giám đốc hoặc chức vụ tương đương trong doanh nghiệp, tổ chức).
4. Phạm vi cung cấp dịch vụ	a) Đánh dấu vào các dịch vụ/chức năng, loại dịch vụ/chức năng, phạm vi dịch vụ/chức năng như được mô tả để thể hiện phạm vi hoạt động hiện đang được cơ sở cung cấp. b) Phần “điều kiện/giới hạn” bao gồm tất cả các điều kiện/giới hạn hoạt động được doanh nghiệp, tổ chức xác định liên quan đến các dịch vụ/chức năng mà việc chứng nhận được yêu cầu.
5. Danh sách tài liệu cần cung cấp kèm theo Đơn đề nghị	Cung cấp kèm theo đơn này các tài liệu được yêu cầu dưới đây: 1. Cơ cấu tổ chức; Người chịu trách nhiệm chính (Accountable Executive) có thẩm quyền cao nhất về nguồn lực và tài chính để bảo đảm an toàn; Các chức danh quản lý chủ chốt. 2. Sơ đồ tổ chức hiển thị hệ thống phân cấp trách nhiệm trong đơn vị. 3. Mô tả chung về nguồn lực, cơ sở vật chất và hoạt động của cơ sở. 4. Quy trình Quản lý sự thay đổi và người chịu trách nhiệm phê duyệt. 5. Chính sách về chất gây nghiện được thực hiện tại cơ sở. 6. Quy trình và chính sách phân lịch làm việc cho Kiểm soát viên không lưu (ATCO), quản lý căng thẳng và quản lý mệt mỏi. 7. Tài liệu khai thác cơ sở, Tài liệu khai thác bảo dưỡng hệ thống thiết bị. 8. Tài liệu Hệ thống Quản lý, bao gồm Hệ thống Quản lý An toàn, Hệ thống Quản lý Chất lượng, Hệ thống Quản lý An ninh 9. Danh sách các tổ chức hoặc đối tác hoặc tổ chức được ký hợp đồng (nếu có).
6. Cam kết	Chữ ký của Người quản lý chịu trách nhiệm (Tổng Giám đốc hoặc vị trí tương đương trong Doanh nghiệp, Tổ chức).

b) Mẫu Giấy chứng nhận: Mẫu số 07



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

BỘ XÂY DỰNG
MINISTRY OF CONSTRUCTION



CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CƠ SỞ ANS
ANS PROVIDER ORGANIZATION CERTIFICATE

Số/Number: GCN-CHK

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và các quy định hiện hành, Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận:

Tên doanh nghiệp, tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

là tổ chức được khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay với các dịch vụ/chức năng được liệt kê tại Phụ lục kèm theo.

Giấy chứng nhận này xác nhận doanh nghiệp, tổ chức được liệt kê trong giấy chứng nhận này được cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo các điều kiện nêu trong Tài liệu phạm vi hoạt động kèm theo.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày

Ngày cấp lần đầu/ *Date of first issue:*

Ngày cấp lại/ *Date of re-issue:*

CỤC TRƯỞNG

DIRECTOR GENERAL

Giấy chứng nhận này không được phép chuyển nhượng. Bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung chứng nhận phải được thông báo ngay cho Cục Hàng không Việt Nam./

CÁC DỊCH VỤ/CHỨC NĂNG CỦA CƠ SỞ
SERVICES/FUNCTIONS OF UNIT

(Kèm theo Giấy chứng nhận số GCN-CHK)
(Attached to Certificate No. GCN-CHK)

(theo các điều kiện được phê chuẩn trong tài liệu khai thác của cơ sở
subject to the approved conditions in the operations manual)

A. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC/ORGANIZATION INFORMATION	
1. Lãnh đạo chịu trách nhiệm/Accountable Manager	
Họ và tên/Full Name:	Chức danh công việc/Job Title:
Chức vụ/Position:	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:
2. Người phụ trách khai thác/Operations Manager	
Họ và tên/Full Name:	Chức danh công việc/Job Title:
Chức vụ/Position:	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:
3. Người phụ trách An toàn/Safety Manager	
Họ và tên/Full Name:	Chức danh công việc/Job Title:
Chức vụ/Position:	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:
4. Người phụ trách giám sát tuân thủ hoặc quản lý chất lượng/Compliance Monitoring or Quality Manager	
Họ và tên/Full Name:	Chức danh công việc/Job Title:
Chức vụ/Position:	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:

B. THÔNG TIN CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ/SERVICE PROVIDER UNIT INFORMATION	
1. Tên cơ sở/Service Provider Unit Name:	
2. Địa chỉ/Address:	
3. Trưởng cơ sở/Head of Unit:	Họ và tên/Full Name:
	Chức vụ/Position:
	Chức danh công việc/Job Title:
	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:
4. Công trình (nếu có)/Structure, Facility (if any)	

6. Cấp Giấy chứng nhận khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác, Cục Hàng không Việt Nam gửi thông báo thu phí cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, Cục Hàng không Việt Nam trả hồ sơ và nêu rõ lý do.

- Việc nộp phí được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính xác nhận hồ sơ hợp lệ; quá thời hạn này, các tổ chức, cá nhân không hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính từ chối giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thực hiện việc nộp phí của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Các khoản phí và lệ phí thực hiện theo pháp luật về phí và lệ phí.

- Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xác nhận nộp phí, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, kiểm tra thực tế, yêu cầu tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận giải trình bổ sung các nội dung liên quan và cấp Giấy chứng nhận khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải gửi văn bản trả lời cho tổ chức đề nghị và nêu rõ lý do.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

6.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay theo Mẫu;

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào khai thác;

- Bản sao kết quả bay kiểm tra hiệu chuẩn đối với hệ thống, thiết bị dẫn đường, giám sát;

- Báo cáo đánh giá an toàn hoặc báo cáo đánh giá sự thay đổi;

- Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn (theo quy định) hoặc được quản lý, kiểm soát theo chương trình đo lường đã được phê duyệt (đối với hệ thống, thiết bị đo đặc hoặc quan trắc khí tượng).

- Lý lịch hệ thống trang thiết bị;

- Sơ đồ lắp đặt/ kết nối hệ thống hoặc bản vẽ hoàn công.

b) Số lượng: 01 bộ

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn gửi thông báo thu phí: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, chính xác.

- Thời hạn thẩm định, kiểm tra thực tế, cấp Giấy chứng nhận: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xác nhận nộp phí.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay

6.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp chứng nhận khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay:

- Đối với hệ thống: 4.000.000 đồng/lần.

- Đối với thiết bị: 2.000.000 đồng/lần.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay;

- Giấy chứng nhận khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay được cấp Giấy chứng nhận khai thác phải đáp ứng các quy định sau:

a) Đáp ứng tiêu chuẩn do Việt Nam ban hành hoặc công nhận phù hợp với tiêu chuẩn của ICAO;

b) Có giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện (đối với thiết bị phát sóng vô tuyến điện);

c) Có mã số, địa chỉ kỹ thuật của hệ thống, trang bị, thiết bị CNS (nếu áp dụng);

d) Đối với thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không được đầu tư, lắp đặt mới, phải có kết quả bay kiểm tra, hiệu chuẩn cơ bản và đạt tiêu chuẩn đưa vào khai thác; trường hợp điều chuyển thiết bị dẫn đường vô hướng đã sử dụng và được lắp đặt tại vị trí khác, được phép sử dụng kết quả bay kiểm tra của tàu bay thương mại để xem xét đưa vào khai thác;

đ) Hệ thống, thiết bị bay kiểm tra, hiệu chuẩn, bay đánh giá phương thức bay bằng thiết bị phải phù hợp với tiêu chuẩn của nhà sản xuất tàu bay kiểm tra, hiệu

chuẩn nếu có kết nối trực tiếp vào trang thiết bị tàu bay hoặc có yêu cầu cải tiến tàu bay.

e) Có Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn (theo quy định) hoặc được quản lý, kiểm soát theo chương trình đo lường đã được phê duyệt (đối với hệ thống trang thiết bị quan trắc khí tượng).

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 47/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;

a) Mẫu đơn: Mẫu số 02

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC HỆ THỐNG TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC HỆ THỐNG, TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY APPLICATION FOR ISSUANCE/REISSUANCE OF THE OPERATIONAL CERTIFICATE FOR ANS EQUIPMENTS	HƯỚNG DẪN In hoặc đánh máy. Chỉ nộp đơn bản gốc cho phòng Quản lý hoạt động bay hoặc người được Cục Hàng không ủy quyền, nếu thiếu chỗ thì dùng tờ đính kèm INSTRUCTIONS Print or type. Submit original only to the Air Navigation Department or a CAAV Authorized Person. If additional space is required, use an attachment
---	---	--

TÔI LÀM ĐƠN NÀY ĐỀ NGHỊ THIẾT BỊ ANS APPLICATION IS HEREBY MADE FOR EQUIPMENTS		☐ CẤP MỚI ISSUANCE	☐ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC HỆ THỐNG, TRANG REISSUANCE OF THE OPERATIONAL CERTIFICATE FOR ANS
A. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC/ ORGANIZATION INFORMATION			
1. Thông tin của đơn vị nộp đơn/Applicant Information			
Tên tổ chức/Organization Name		Mã bưu điện/Postal Code	
Số đăng ký/Registration Number		Thành phố/City	
Địa chỉ/Address		Quốc gia/Country	
2. Trụ sở chính (có thể để trống nếu trùng mục 1 phía trên)/Head Office (may be left blank if identical to Section 1 above)			
Tên tổ chức/Organization Name		Thành phố/City	
Địa chỉ/Address		Quốc gia/Country	
Mã bưu điện/Postal Code			
3. Thông tin và liên hệ/Information and Contact Details			
Họ và tên/Full Name:		Chức danh công việc/Job Title:	
Chức vụ/Position:		Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:	

B. THÔNG TIN CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ/SERVICE PROVIDER UNIT INFORMATION	
1. Tên cơ sở/Service Provider Unit Name:	2. Địa chỉ/Address:
3. Trưởng cơ sở/Head of Unit:	Họ và tên/Full Name:
	Chức vụ/Position:
	Chức danh công việc/Job Title:
	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:
4. Công trình (nếu có)/Structure, Facility (if any)	

C. THÔNG SỐ KỸ THUẬT HỆ THỐNG, TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY/TECHNICAL SPECIFICATIONS OF ANS EQUIPMENT	
Tên hệ thống kỹ thuật, thiết bị Name of equipment	
Mục đích sử dụng Purpose of use	
Phạm vi hoạt động (bán kính/khu vực/tầm phủ) Operational range (radius/area/coverage)	
Kiểu loại thiết bị Equipment type/model	

Số sản xuất Serial number (S/N)	
Nơi sản xuất Place of manufacture	
Năm sản xuất Year of manufacture	
Mã số, địa chỉ kỹ thuật (nếu áp dụng) Technical code/address (if applicable)	
Địa điểm/tọa độ đặt thiết bị (đối với hệ thống, thiết bị thu/phát sóng vô tuyến điện) Equipment location/coordinates (for radio transmitting/receiving systems and equipment)	
Thời gian hoạt động hàng ngày Daily operating hours	
Thời gian dự kiến đưa vào hoạt động (đối với hệ thống kỹ thuật, thiết bị mới) Expected date of commissioning (for new technical systems/equipment)	

D. HỒ SƠ, TÀI LIỆU KÈM THEO/ATTACHED DOSSIERS AND DOCUMENTS	
Số thứ tự/No.	Tên hồ sơ/tài liệu/Name of dossier/document*
1	
2	
3	
4	
5	
6	

Đ. PHƯƠNG THỨC NHẬN KẾT QUẢ/MANNER OF RECEIVING RESULTS	
Bản giấy (Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính)/ Hard copy (In person at the Receiving and Result-Returning Department of the Civil Aviation Authority of Vietnam or via postal service) ☐	Bản điện tử (qua trực tuyến như địa chỉ email, ứng dụng OTT/nhắn tin được liên kết với số điện thoại của tổ chức, cá nhân)/Electronic copy (Online via email address or phone-linked messaging apps of the Organization/Individual) ☐

E. CAM KẾT/COMMITMENT		
Người nộp đơn xin cam đoan các thông tin được ghi trong đơn này là chính xác và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin đã khai/The Applicant hereby certifies that all information provided in this application is accurate and shall assume full responsibility for the declared information.		
Ngày nộp đơn/Date of application	Họ và tên/Full Name	Chữ ký và đóng dấu/Signature and Official stamp

b) Mẫu Giấy chứng nhận: Mẫu số 08



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

BỘ XÂY DỰNG
MINISTRY OF CONSTRUCTION



CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC HỆ THỐNG TRANG THIẾT BỊ
KỸ THUẬT BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

ANS EQUIPMENT CERTIFICATE

Số/Number: /GCN-CHK

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và các quy định hiện hành, Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận:

Tên doanh nghiệp, tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay (*ghi tên hệ thống, thiết bị*) với các dịch vụ/chức năng được liệt kê tại Phụ lục kèm theo.

Giấy chứng nhận này xác nhận tổ chức được liệt kê trong Giấy chứng nhận này được khai thác hệ thống thiết bị bảo đảm hoạt động bay theo các yêu cầu nêu trong phụ lục kèm theo.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm

Ngày cấp lần đầu/ *Date of first issue:*

Ngày cấp lại/ *Date of re-issue:*

CỤC TRƯỞNG

DIRECTOR GENERAL

Giấy chứng nhận này không được phép chuyển nhượng và bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung chứng nhận phải được thông báo ngay cho Cục Hàng không Việt Nam./.

7. Cấp lại Giấy chứng nhận khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác, Cục Hàng không Việt Nam gửi thông báo thu phí cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, Cục Hàng không Việt Nam trả hồ sơ và nêu rõ lý do.

- Việc nộp phí được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính xác nhận hồ sơ hợp lệ; quá thời hạn này, các tổ chức, cá nhân không hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính từ chối giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thực hiện việc nộp phí của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Các khoản phí và lệ phí thực hiện theo pháp luật về phí và lệ phí.

- Đối với trường hợp cấp lại do bị mất hoặc bị hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xác nhận nộp phí, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy chứng nhận khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay cho doanh nghiệp, tổ chức đề nghị, đồng thời thu hồi hoặc bãi bỏ Giấy chứng nhận đã cấp.

- Đối với Trường hợp cấp lại khi tổ chức đề nghị tiến hành cải tạo, thay đổi, nâng cấp hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay hoặc được phục hồi sau khi đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến bị đình chỉ, thu hồi theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam: Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xác nhận nộp phí, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, kiểm tra thực tế, yêu cầu tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận giải trình bổ sung các nội dung liên quan và cấp Giấy chứng nhận khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải gửi văn bản trả lời cho tổ chức đề nghị và nêu rõ lý do.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

7.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

a1) Trường hợp cấp lại do bị mất hoặc bị hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu;
- Báo cáo giải trình lý do đề nghị cấp lại;

a2) Trường hợp cấp lại khi tổ chức đề nghị tiến hành cải tạo, thay đổi, nâng cấp hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay hoặc được phục hồi sau khi đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến bị đình chỉ, thu hồi theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo mẫu;
- Báo cáo giải trình và các hồ sơ theo quy định về việc cải tạo, thay đổi, nâng cấp hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay hoặc được phục hồi sau khi đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến bị đình chỉ, thu hồi theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam liên quan đến đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;
- Bản sao biên bản kết quả bay kiểm tra hiệu chuẩn, kết quả kiểm định mới nhất của hệ thống kỹ thuật, thiết bị (đối với hệ thống, thiết bị phải bay kiểm tra hiệu chuẩn hoặc kiểm định);
- Báo cáo đánh giá an toàn hoặc báo cáo đánh giá sự thay đổi;
- Lý lịch hệ thống trang thiết bị;
- Sơ đồ lắp đặt/ kết nối hệ thống hoặc bản vẽ hoàn công.

b) Số lượng: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn gửi thông báo thu phí: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, chính xác.

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận:

+ Trường hợp cấp lại do bị mất hoặc bị hỏng hoặc Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức:

03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xác nhận nộp phí,

+ Trường hợp cấp lại khi tổ chức đề nghị tiến hành cải tạo, thay đổi, nâng cấp hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay hoặc được phục hồi sau khi đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến bị đình chỉ, thu hồi theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam

06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xác nhận nộp phí.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, doanh nghiệp

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam;
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay.

7.8. Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay:

- Đối với hệ thống: 4.000.000 đồng/lần.
- Đối với thiết bị: 2.000.000 đồng/lần.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 thu phí bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục VI Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08

tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay;
- Giấy chứng nhận khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay được cấp Giấy chứng nhận khai thác phải đáp ứng các quy định sau:

a) Đáp ứng tiêu chuẩn do Việt Nam ban hành hoặc công nhận phù hợp với tiêu chuẩn của ICAO;

b) Có giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện (đối với thiết bị phát sóng vô tuyến điện);

c) Có mã số, địa chỉ kỹ thuật của hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị CNS (nếu áp dụng);

d) Đối với thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không được đầu tư, lắp đặt mới, phải có kết quả bay kiểm tra, hiệu chuẩn cơ bản và đạt tiêu chuẩn đưa vào khai thác; trường hợp điều chuyển thiết bị dẫn đường vô hướng đã sử dụng và được lắp đặt tại vị trí khác, được phép sử dụng kết quả bay kiểm tra của tàu bay thương mại để xem xét đưa vào khai thác;

đ) Hệ thống, thiết bị bay kiểm tra, hiệu chuẩn, bay đánh giá phương thức bay bằng thiết bị phải phù hợp với tiêu chuẩn của nhà sản xuất tàu bay kiểm tra, hiệu chuẩn nếu có kết nối trực tiếp vào trang thiết bị tàu bay hoặc có yêu cầu cải tiến tàu bay.

e) Có Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn (theo quy định) hoặc được quản lý, kiểm soát theo chương trình đo lường đã được phê duyệt (đối với hệ thống trang thiết bị quan trắc khí tượng).

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 47/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

a) Mẫu đơn đề nghị: Mẫu số 02

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC HỆ THỐNG TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC HỆ THỐNG, TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY APPLICATION FOR ISSUANCE/REISSUANCE OF THE OPERATIONAL CERTIFICATE FOR ANS EQUIPMENTS	HƯỚNG DẪN In hoặc đánh máy. Chỉ nộp đơn bản gốc cho phòng Quản lý hoạt động bay hoặc người được Cục Hàng không ủy quyền, nếu thiếu chỗ thì dùng tờ đính kèm INSTRUCTIONS Print or type. Submit original only to the Air Navigation Department or a CAAV Authorized Person. If additional space is required, use an attachment
---	--	---

TÔI LÀM ĐƠN NÀY ĐỀ NGHỊ ☐ CẤP MỚI ☐ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC HỆ THỐNG, TRANG THIẾT BỊ ANS APPLICATION IS HEREBY MADE FOR ☐ ISSUANCE ☐ REISSUANCE OF THE OPERATIONAL CERTIFICATE FOR ANS EQUIPMENTS	
A. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC/ ORGANIZATION INFORMATION	
1. Thông tin của đơn vị nộp đơn/Applicant Information	
Tên tổ chức/Organization Name	Mã bưu điện/Postal Code
Số đăng ký/Registration Number	Thành phố/City
Địa chỉ/Address	Quốc gia/Country
2. Trụ sở chính (có thể để trống nếu trùng mục 1 phía trên)/Head Office (may be left blank if identical to Section 1 above)	
Tên tổ chức/Organization Name	Thành phố/City
Địa chỉ/Address	Quốc gia/Country
Mã bưu điện/Postal Code	
3. Thông tin và liên hệ/Information and Contact Details	
Họ và tên/Full Name:	Chức danh công việc/Job Title:
Chức vụ/Position:	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:

B. THÔNG TIN CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ/SERVICE PROVIDER UNIT INFORMATION	
1. Tên cơ sở/Service Provider Unit Name:	2. Địa chỉ/Address:
3. Trưởng cơ sở/Head of Unit:	Họ và tên/Full Name:
	Chức vụ/Position:
	Chức danh công việc/Job Title:
	Điện thoại, thư điện tử/Telephone & Email:
4. Công trình (nếu có)/Structure, Facility (if any)	

C. THÔNG SỐ KỸ THUẬT HỆ THỐNG, TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY/TECHNICAL SPECIFICATIONS OF ANS EQUIPMENT	
Tên hệ thống kỹ thuật, thiết bị Name of equipment	
Mục đích sử dụng Purpose of use	
Phạm vi hoạt động (bán kính/khu vực/tầm phủ) Operational range (radius/area/coverage)	
Kiểu loại thiết bị Equipment type/model	

Số sản xuất Serial number (S/N)	
Nơi sản xuất Place of manufacture	
Năm sản xuất Year of manufacture	
Mã số, địa chỉ kỹ thuật (nếu áp dụng) Technical code/address (if applicable)	
Địa điểm/tọa độ đặt thiết bị (đối với hệ thống, thiết bị thu/phát sóng vô tuyến điện) Equipment location/coordinates (for radio transmitting/receiving systems and equipment)	
Thời gian hoạt động hàng ngày Daily operating hours	
Thời gian dự kiến đưa vào hoạt động (đối với hệ thống kỹ thuật, thiết bị mới) Expected date of commissioning (for new technical systems/equipment)	

D. HỒ SƠ, TÀI LIỆU KÈM THEO/ATTACHED DOSSIERS AND DOCUMENTS	
Số thứ tự/No.	Tên hồ sơ/tài liệu/Name of dossier/document*
1	
2	
3	
4	
5	
6	

Đ. PHƯƠNG THỨC NHẬN KẾT QUẢ/MANNER OF RECEIVING RESULTS	
Bản giấy (Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua bưu chính)/ Hard copy (In person at the Receiving and Result-Returning Department of the Civil Aviation Authority of Vietnam or via postal service) ☐	Bản điện tử (qua trực tuyến như địa chỉ email, ứng dụng OTT/nhắn tin được liên kết với số điện thoại của tổ chức, cá nhân)/Electronic copy (Online via email address or phone-linked messaging apps of the Organization/Individual) ☐

E. CAM KẾT/COMMITMENT		
Người nộp đơn xin cam đoan các thông tin được ghi trong đơn này là chính xác và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin đã khai/The Applicant hereby certifies that all information provided in this application is accurate and shall assume full responsibility for the declared information.		
Ngày nộp đơn/Date of application	Họ và tên/Full Name	Chữ ký và đóng dấu/Signature and Official stamp

b) Mẫu Giấy chứng nhận: Mẫu số 08



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

BỘ XÂY DỰNG
MINISTRY OF CONSTRUCTION



CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC HỆ THỐNG TRANG THIẾT BỊ
KỸ THUẬT BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

ANS EQUIPMENT CERTIFICATE

Số/Number: /GCN-CHK

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và các quy định hiện hành, Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận:

Tên doanh nghiệp, tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

khai thác hệ thống trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay (*ghi tên hệ thống, thiết bị*) với các dịch vụ/chức năng được liệt kê tại Phụ lục kèm theo.

Giấy chứng nhận này xác nhận tổ chức được liệt kê trong Giấy chứng nhận này được khai thác hệ thống thiết bị bảo đảm hoạt động bay theo các yêu cầu nêu trong phụ lục kèm theo.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm

Ngày cấp lần đầu/ *Date of first issue:*

Ngày cấp lại/ *Date of re-issue:*

CỤC TRƯỞNG

DIRECTOR GENERAL

Giấy chứng nhận này không được phép chuyển nhượng và bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung chứng nhận phải được thông báo ngay cho Cục Hàng không Việt Nam./.